

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Ngọc Dương**  
**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
CỔ PHẦN THỂ KỶ MỚI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Ngọc Dương  
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Ngọc Dương

Mã SV: 1412401080

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp .....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:.....	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu .....	5
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	6
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:.....	6
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	10
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán: .....	12
1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp: .....	17
1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng .....	17
1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp: .....	17
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính .....	20
1.6.1 Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	20
1.6.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính. ....	22
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác .....	24
1.7.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác. ....	24
1.7.2. Kế toán chi phí hoạt động khác. ....	26
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	28
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	31
1.9.1. Hình thức Nhật ký chung .....	31
1.9.2 Hình thức Nhật ký – Sổ cái .....	32
1.9.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ: .....	33
1.9.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ .....	34
1.9.5 Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính .....	35

<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI.....</b>	<b>36</b>
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới .....	36
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới .....	36
2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới. ....	37
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới.....	37
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới .....	39
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới..	43
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới .....	43
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	43
2.2.1.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới .....	52
2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	60
2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới .....	68
2.2.3. Nội dung kế toán doanh thu khác, chi phí khác tại công ty cổ phần Thế Kỷ Mới. ....	75
2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới.....	75
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI.....</b>	<b>84</b>
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới ...	84
3.1.2. Hạn chế.....	86
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	86
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh .....	87
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới .....	88
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>95</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>96</b>



## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại và phát triển lâu dài thì các doanh nghiệp cần phải chủ động trong sản xuất kinh doanh, nâng cao công tác quản lý, nắm bắt một cách nhanh chóng và chuẩn xác các thông tin, đặc biệt là các thông tin kinh tế. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được, thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp ta có thể biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác. Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản lý đưa ra đối sách phù hợp. Vì vậy, để kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó, cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp lý, khoa học và thường xuyên.

Với nhận thức đó, từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của Thạc sỹ Nguyễn Đức Kiên, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới, em đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới” làm đề tài khóa luận của mình.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi

phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phạm vi nghiên cứu : tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Các phương pháp kế toán.

- Phương pháp thống kê, so sánh.

### **5. Kết cấu của khoá luận**

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 03 chương:

**Chương 1 :** Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

**Chương 3 :** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới



---

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- *Bán hàng*: là quá trình doanh nghiệp chuyên giao sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất hay hàng hóa doanh nghiệp mua về để bán cho khách hàng và khách hàng đã trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

- *Sản phẩm sản xuất*: là sản phẩm do doanh nghiệp tự làm ra để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại

- *Sản phẩm tiêu thụ*: là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

- *Doanh thu*: Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

- *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa do doanh nghiệp mua về hay sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra.

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến, mang tính chất không thường xuyên của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ; hoạt động tài chính và hoạt động khác được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

## 1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

❖ *Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:**

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
  - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
  - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
  - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu**

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phải đảm bảo thỏa mãn các nguyên tắc sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

#### **1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

+ Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: Số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị, . . .

+ Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: Chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp;...

+ Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

#### **1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### ***1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

###### **❖ Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT; Hóa đơn bán hàng;
- + Phiếu xuất kho; Phiếu thu
- + Giấy báo có của Ngân hàng;

+ Các chứng từ khác có liên quan;

❖ **Tài khoản sử dụng:**

• **Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

✓ *TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 6 tài khoản cấp 2:*

+ Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hàng hóa.

+ Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm.

+ Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

+ Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

+ Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

+ Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

✓ *Kết cấu TK 511 :*

**Bên Nợ:**

Số thuế TTĐB hoặc thuế XK phải nộp; số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Doanh thu hàng bán trả lại kết chuyển cuối kỳ.

Các khoản chiết khấu thương mại; Giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

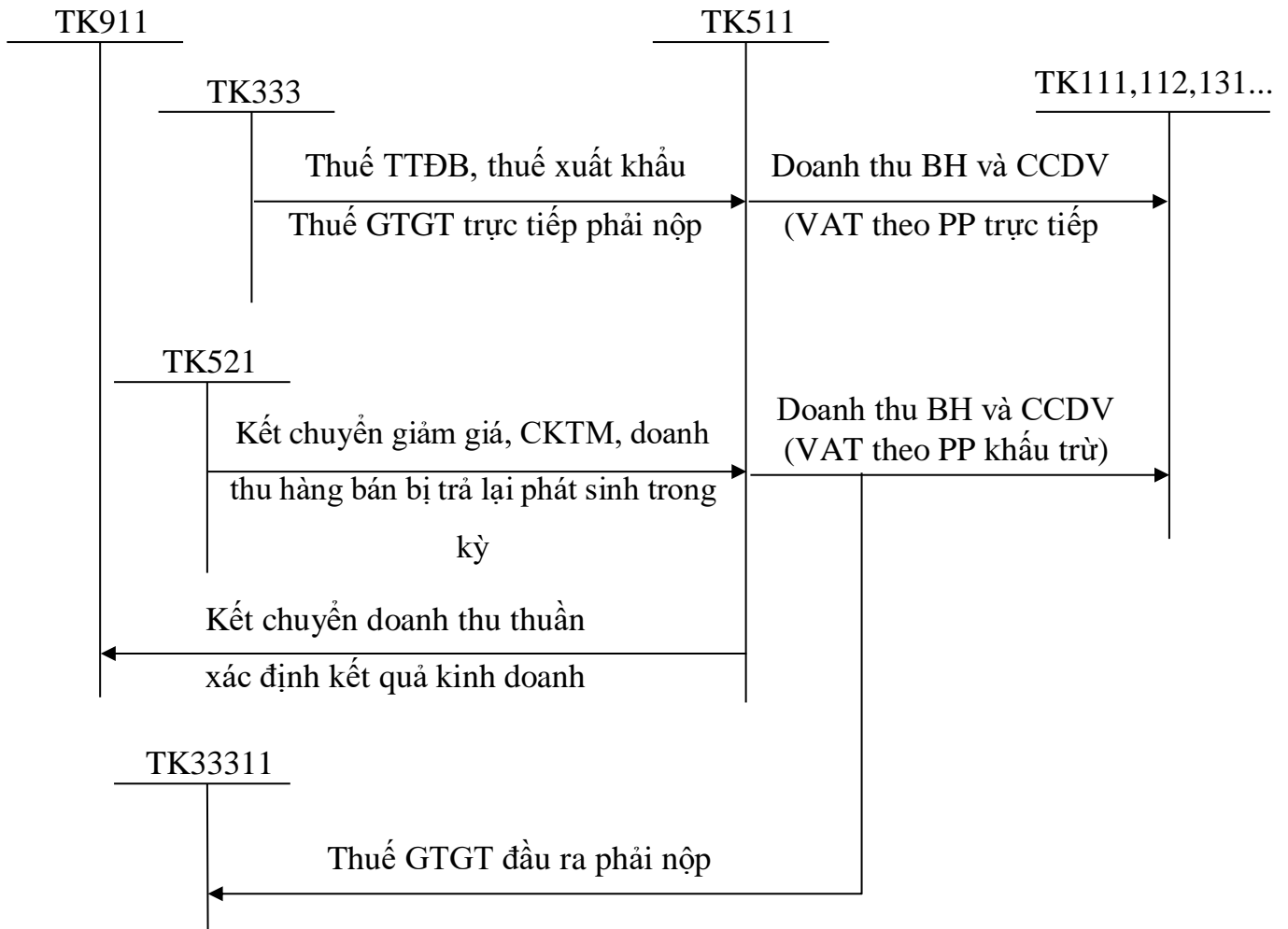
Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên Có:**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

**TK 511 không có số dư cuối kỳ:**

❖ Phương pháp hạch toán doanh thu theo phương thức tiêu thụ trực tiếp



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp



### 1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế XK, thuế TTĐB, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT; Hóa đơn bán hàng;
- + Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi; Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Các chứng từ liên quan: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại;

❖ **Tài khoản sử dụng: TK521- Các khoản giảm trừ doanh thu**

**Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 521**

**Bên Nợ:**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;
- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng;
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán

**Bên Có:**

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

**Tài khoản 521 - không có số dư cuối kỳ.**

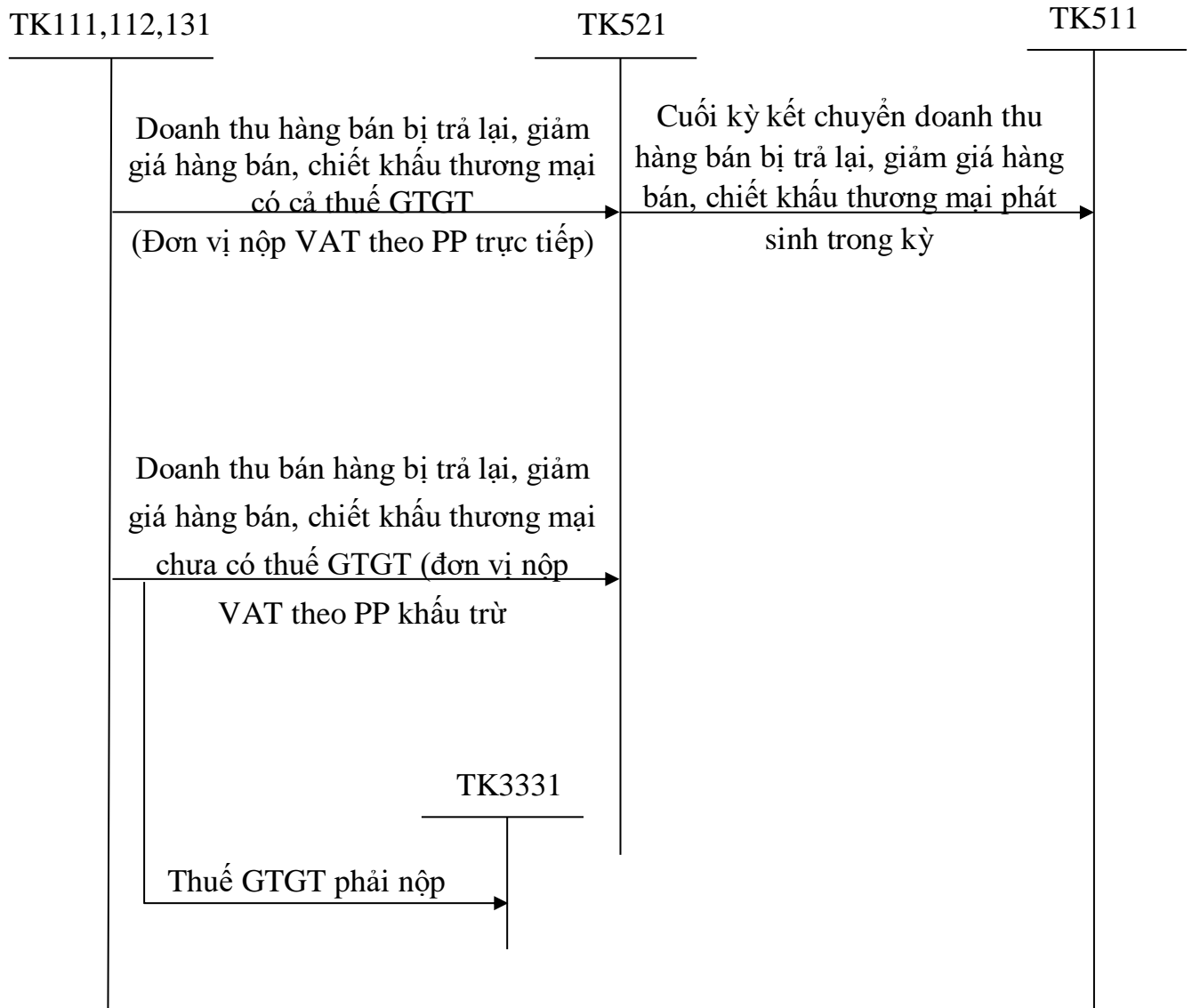
**Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2**

- *Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ
- *Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.
- *Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém



quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

### 1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán được xác định bao gồm giá trị thực tế xuất kho của hàng hóa đem bán cộng cả chi phí thu mua phân bổ cho hàng bán ra.

#### ❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

Để đưa ra giá bán hàng hóa hợp lý, doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thực tế, do giá cả của hàng hoá mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng.

Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá hàng xuất kho} \times \text{Số lượng hàng xuất kho}$$

Hiện nay, có nhiều cách tính trị giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp. Có 4 phương pháp thường được sử dụng :

#### - Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

#### - Phương pháp đơn giá bán lẻ:

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng. Phương pháp này giúp cho việc tính giá hàng hoá được dễ dàng trong trường hợp có nhiều mặt hàng hoặc nhiều chủng loại hàng hoá khác nhau mà các doanh nghiệp không thể xác định ngay được giá vốn của hàng hoá. Phương pháp giá

bán lẻ áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị.

**- Phương pháp bình quân gia quyền:**

+) *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.*

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của

*Đơn giá* 
$$= \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$
  
*xuất kho* doanh nghiệp.

+) *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn).*

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

*Đơn giá* 
$$= \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$
  
*xuất kho*

**- Phương pháp thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Phiếu xuất kho;
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ;
- + Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- **TK 632 – “ Giá vốn hàng bán”:** Giá vốn hàng là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ *Kết cấu TK 632:*

**Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã xuất bán theo hóa đơn;
- + Phản ánh chi phí Nguyên vật liệu; chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho và phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán;
- + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- + Phản ánh khoản chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- + Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt lên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

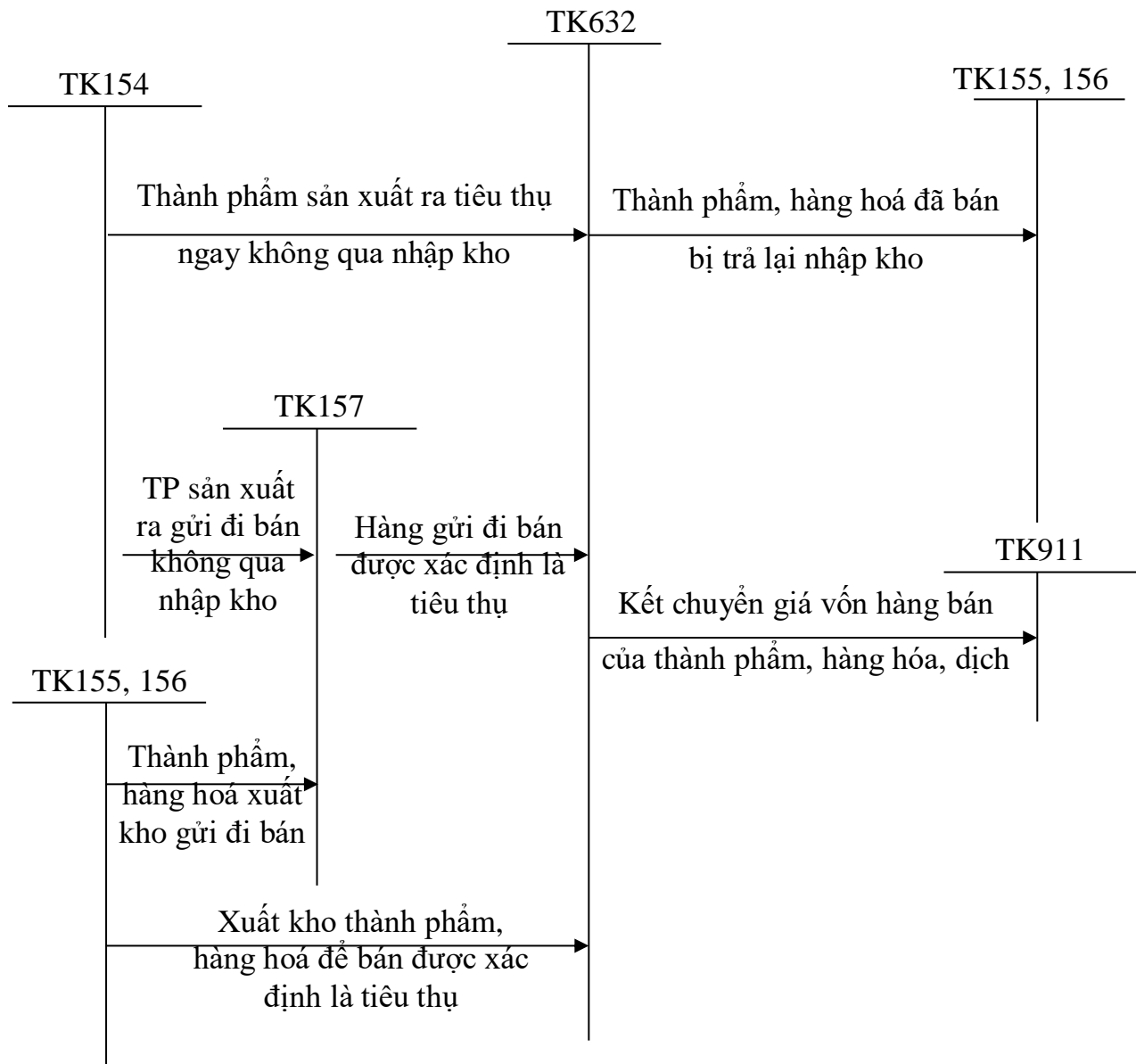
**Bên Có:**

- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản

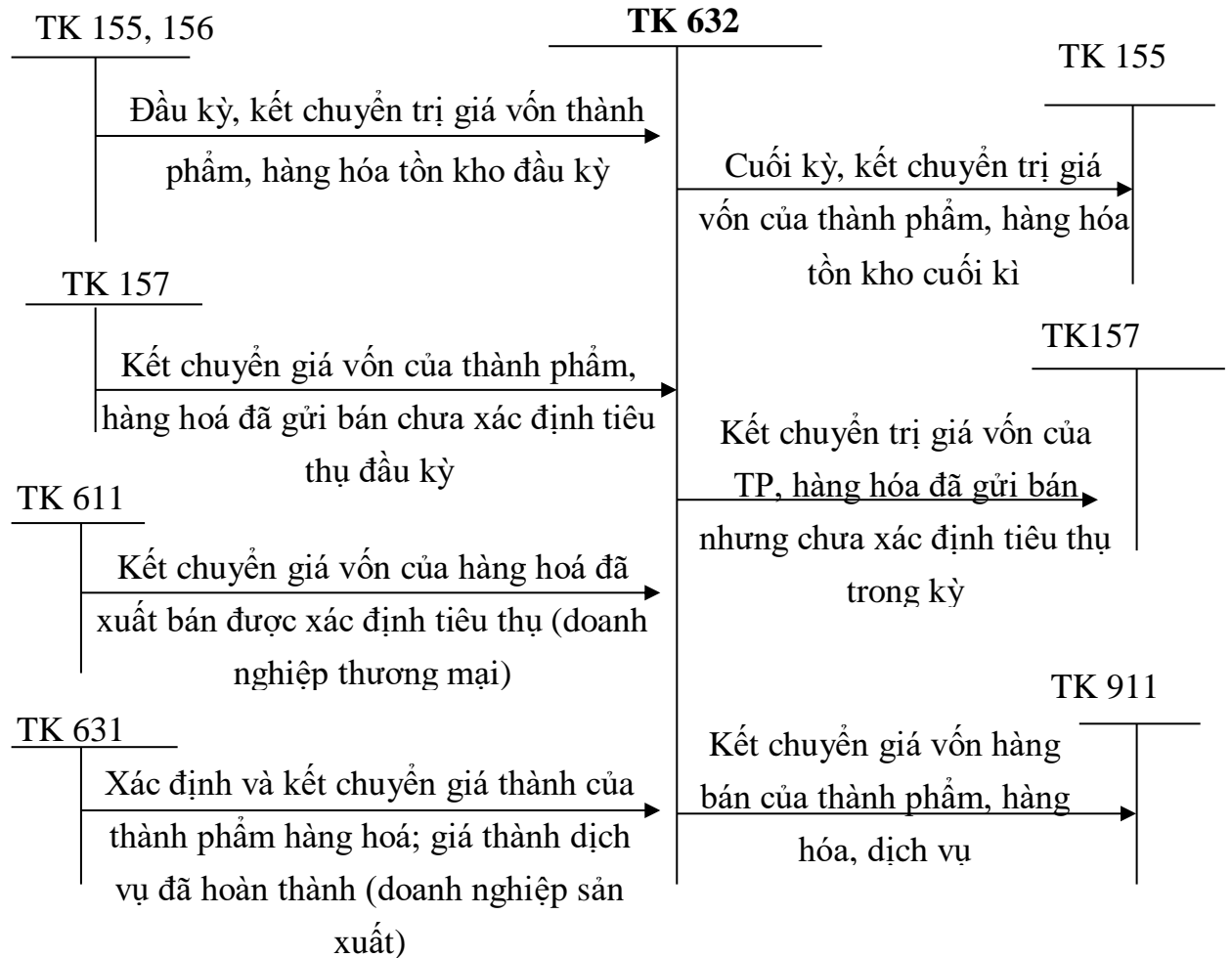
911

**Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.**

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

---

#### **1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:**

##### **1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng**

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Bảng phân bổ tiền lương;
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ *TK 641 – “ Chi phí bán hàng” có 7 tài khoản cấp 2:*
  - + Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên.
  - + Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì.
  - + Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dung.
  - + Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ.
  - + Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành.
  - + Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
  - + Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác.
- ✓ *Kết cấu TK 641:*

**Bên Nợ:**

Tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình mua bán và tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

**Bên Có:**

Các khoản giảm chi phí bán hàng.

Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

**TK 641 không có số dư cuối kỳ.**

TK 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu; khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài,...

##### **1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:**

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH;

- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- + Bảng phân bổ NVL – CC, DC;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi;
- + Chứng từ kế toán khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ TK 642 – “ Chi phí quản lý doanh nghiệp” có 8 tài khoản cấp 2:
  - + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý.
  - + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý.
  - + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng.
  - + TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định.
  - + TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí.
  - + TK 6426 – Chi phí dự phòng.
  - + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
  - + TK 6428 – Chi phí tiền khác.
- ✓ *Kết cấu TK 642:*

**Bên Nợ:**

Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;

Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

**Bên Có:**

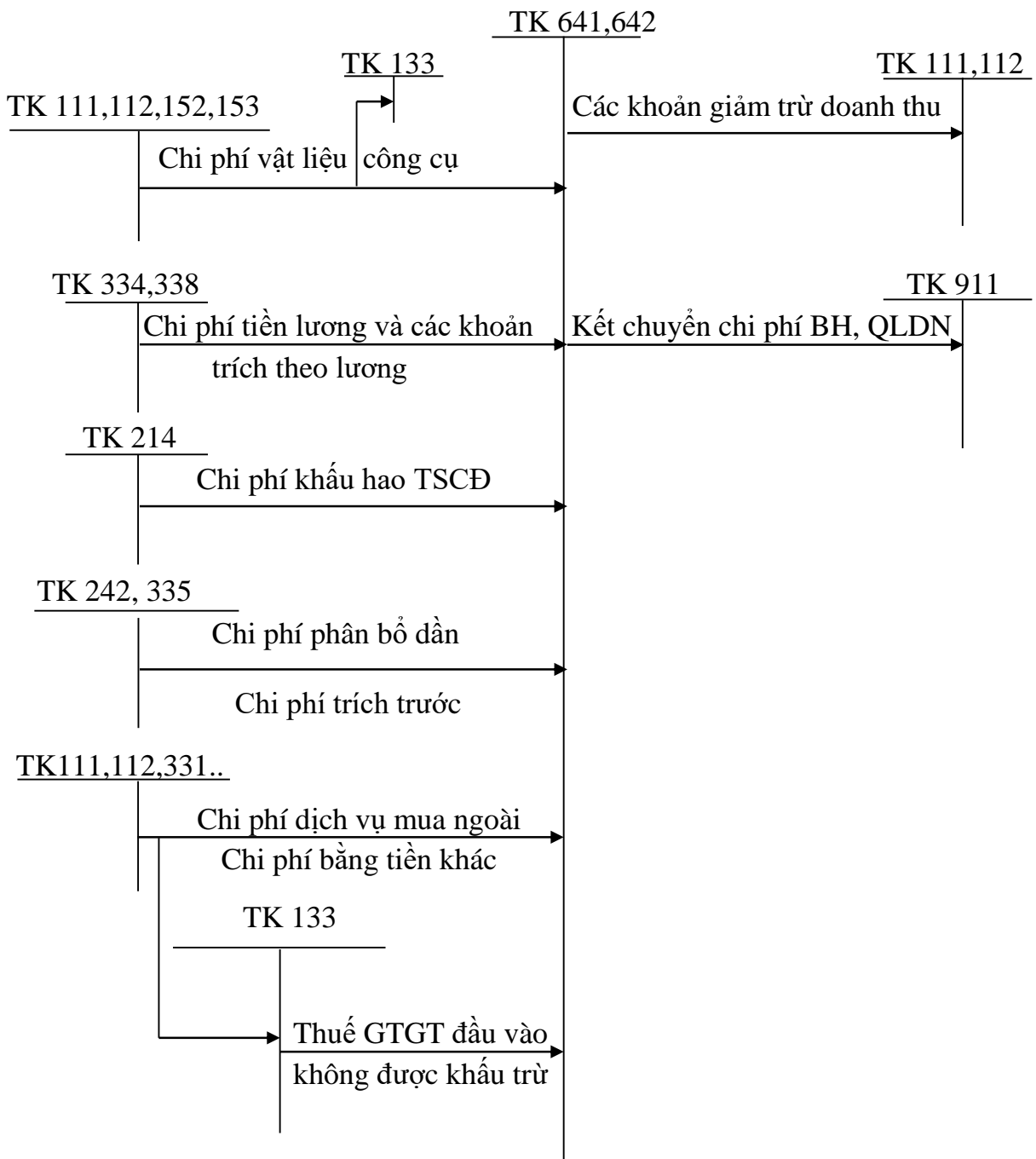
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.**



❖ Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

## **1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính**

### **1.6.1 Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

#### **❖ Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo lãi, giấy báo Có của Ngân hàng;
- + Bản sao kê của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan.

#### **❖ Tài khoản sử dụng:**

##### **Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

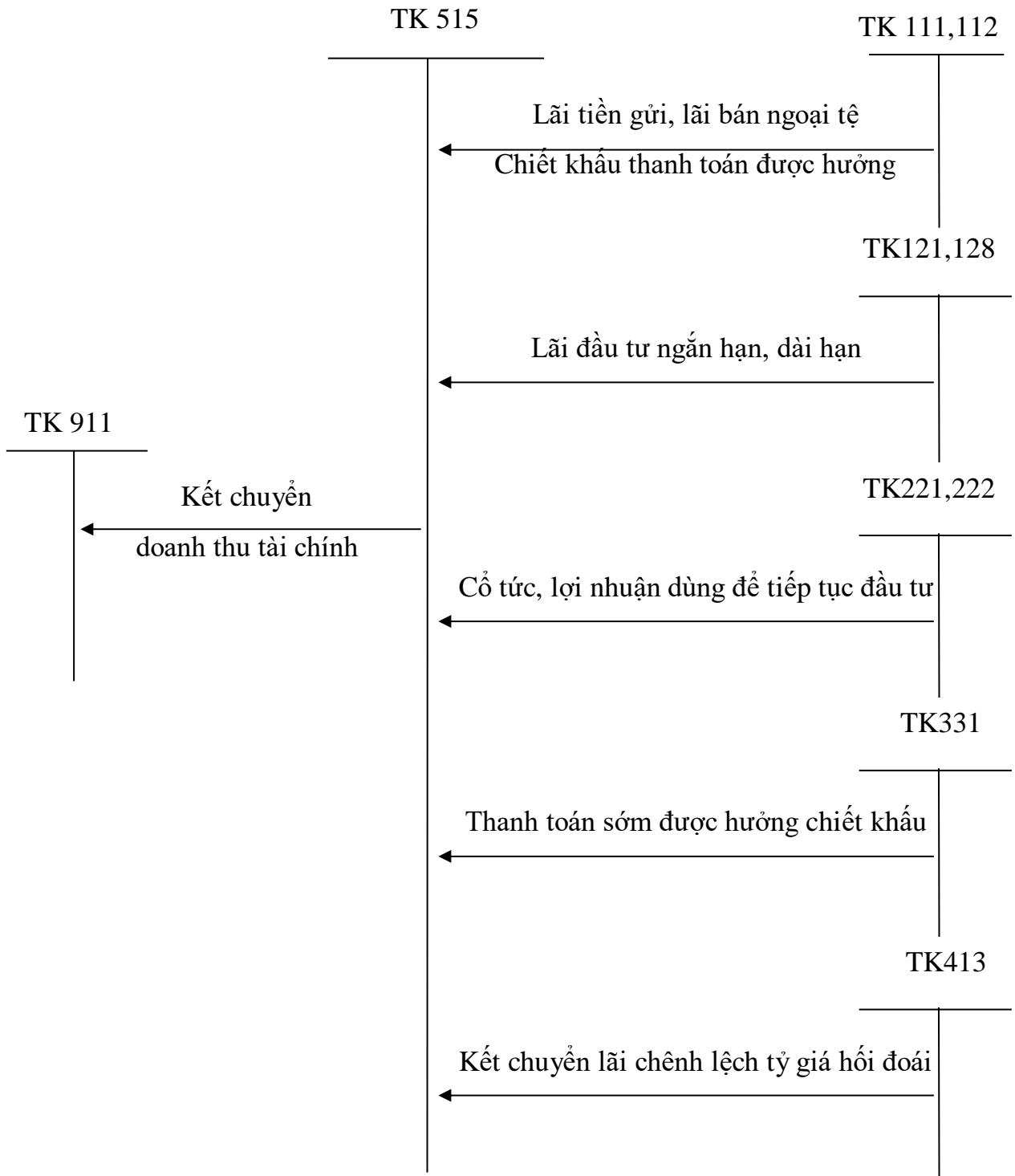
##### **Bên Có:**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;

Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

**Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.**

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

### 1.6.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:** TK 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính”

**Kết cấu tài khoản:**

**Bên Nợ:**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện); Lỗ bán ngoại tệ;
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

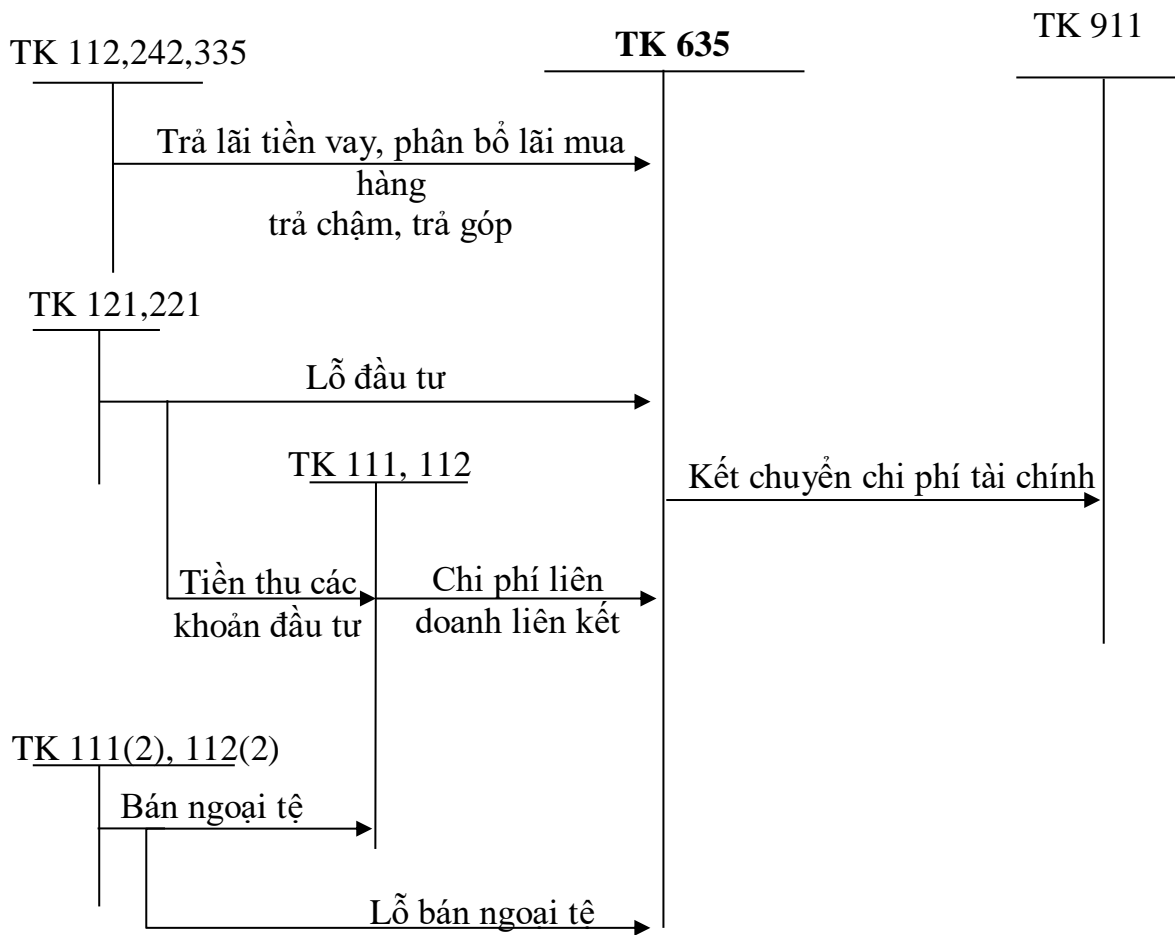
**Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.**

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

---

## **1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác**

### **1.7.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.**

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

#### **❖ Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu thu, Phiếu chi;
- + Giấy báo Có của Ngân hàng;...
- + Các chứng từ liên quan : Biên bản thanh lý tài sản cố định; ...

#### **❖ Tài khoản sử dụng:**

- ✓ TK 711 – “ Thu nhập khác”
- ✓ Kết cấu của TK 711:

#### **Bên Nợ:**

Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

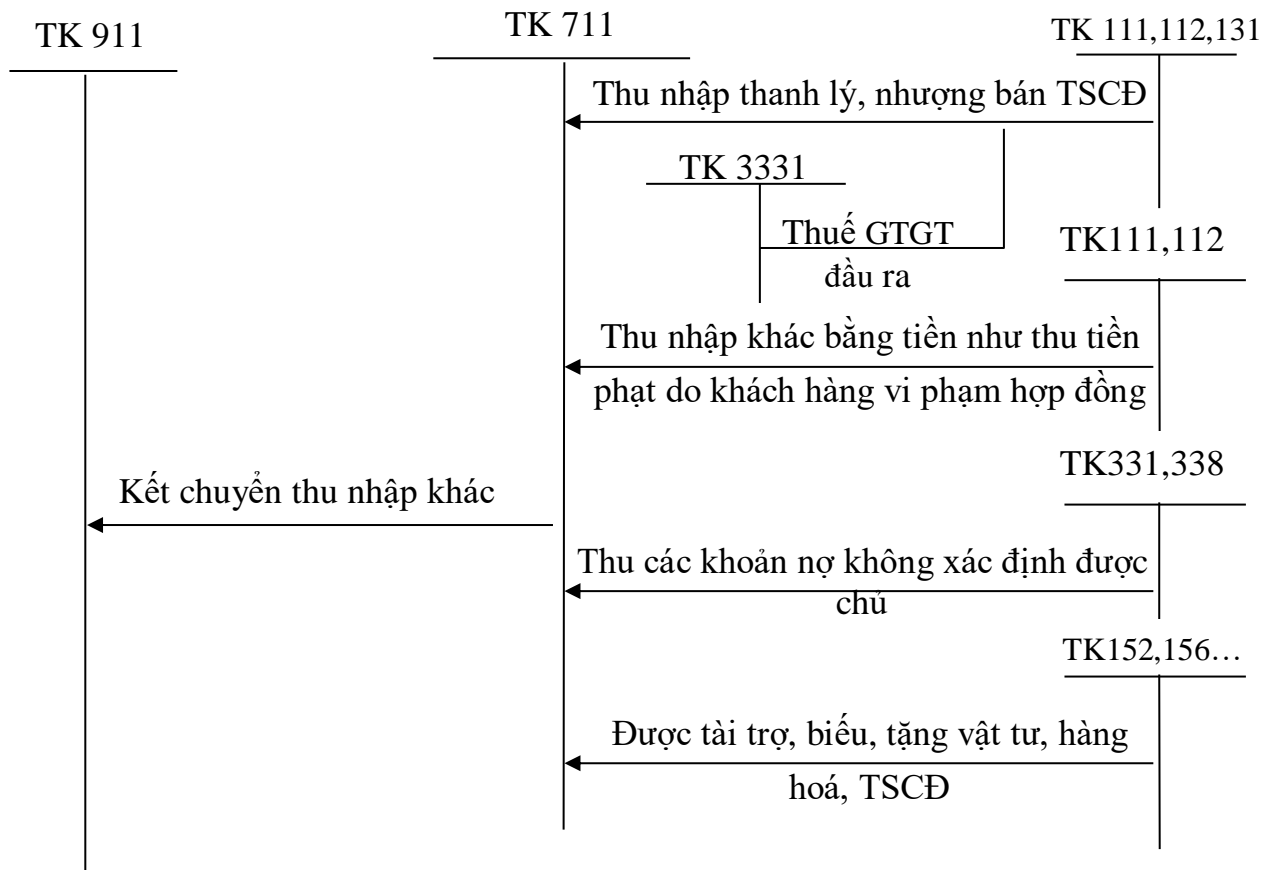
Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

#### **Bên Có:**

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

**Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.**

❖ Phương pháp hạch toán:



*Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác*

### **1.7.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.**

Chi phí hoạt động khác: Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi; Ủy nhiệm chi;
- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ *Kết cấu của TK 811*

**Bên Nợ:**

Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh.

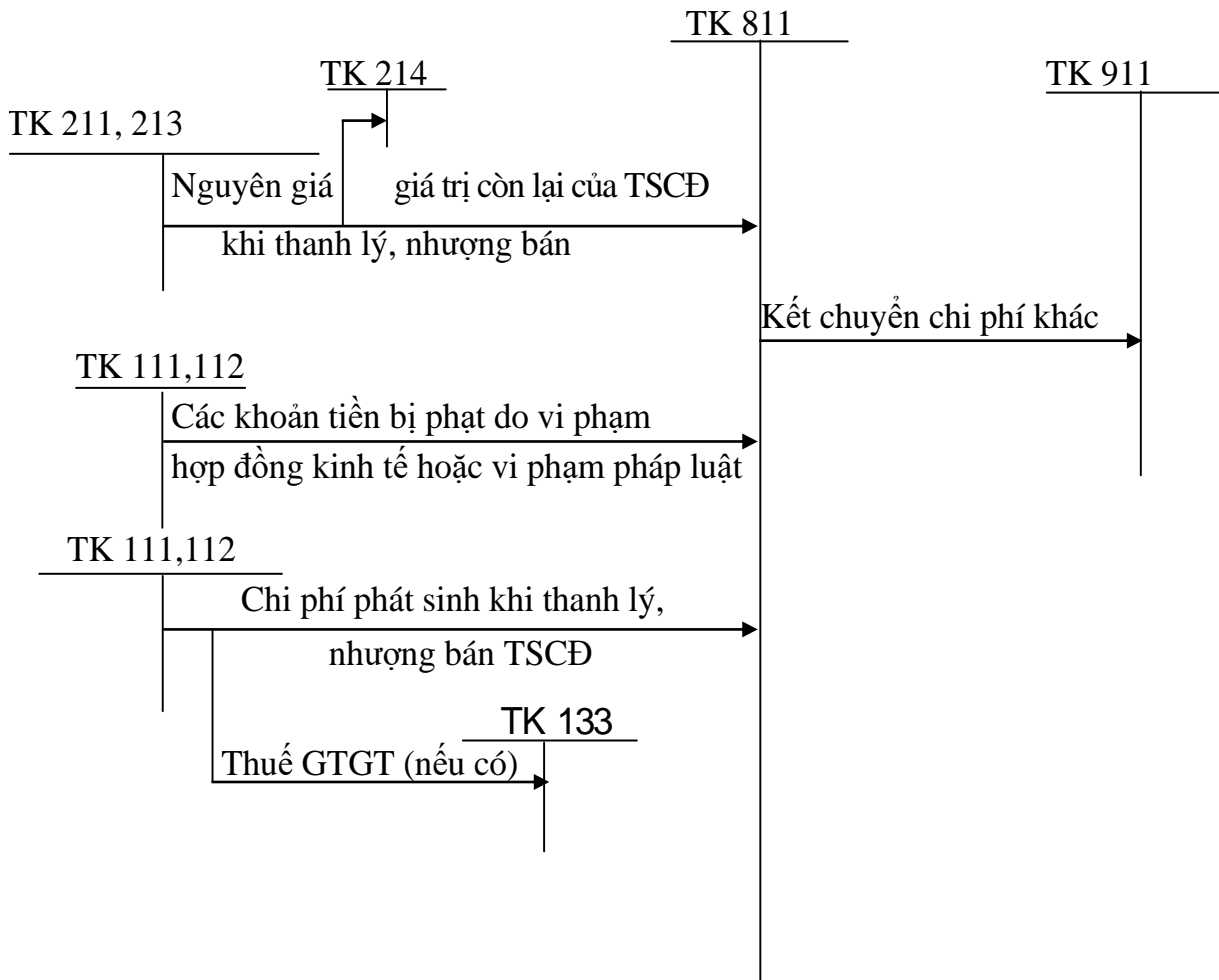
**Bên Có:**

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.**



❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

**1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp**

\* *Chứng từ sử dụng:*

- + Phiếu kế toán
- + Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- + Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp
- + Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận
- + Các chứng từ khác có liên quan

\* *Tài khoản sử dụng*

**Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

*Kế cấu tài khoản 821:*

Nợ	TK 821 – CP thuế TNDN hiện hành	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuế TNDN phải nộp tính vào CP thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm</li> <li>- CP thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển CP thuế TNDN hiện hành vào bên nợ của TK911 – xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>

TK 821 không có số dư cuối kỳ

**Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

*Kết cấu tài khoản:*

Nợ	TK 911 – xác định KQKD	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí khác</li> <li>- Kết chuyển lãi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng Doanh thu thuần tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>- Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính và hoạt động khác</li> <li>- Kết chuyển Lỗ</li> </ul>	

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

**Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

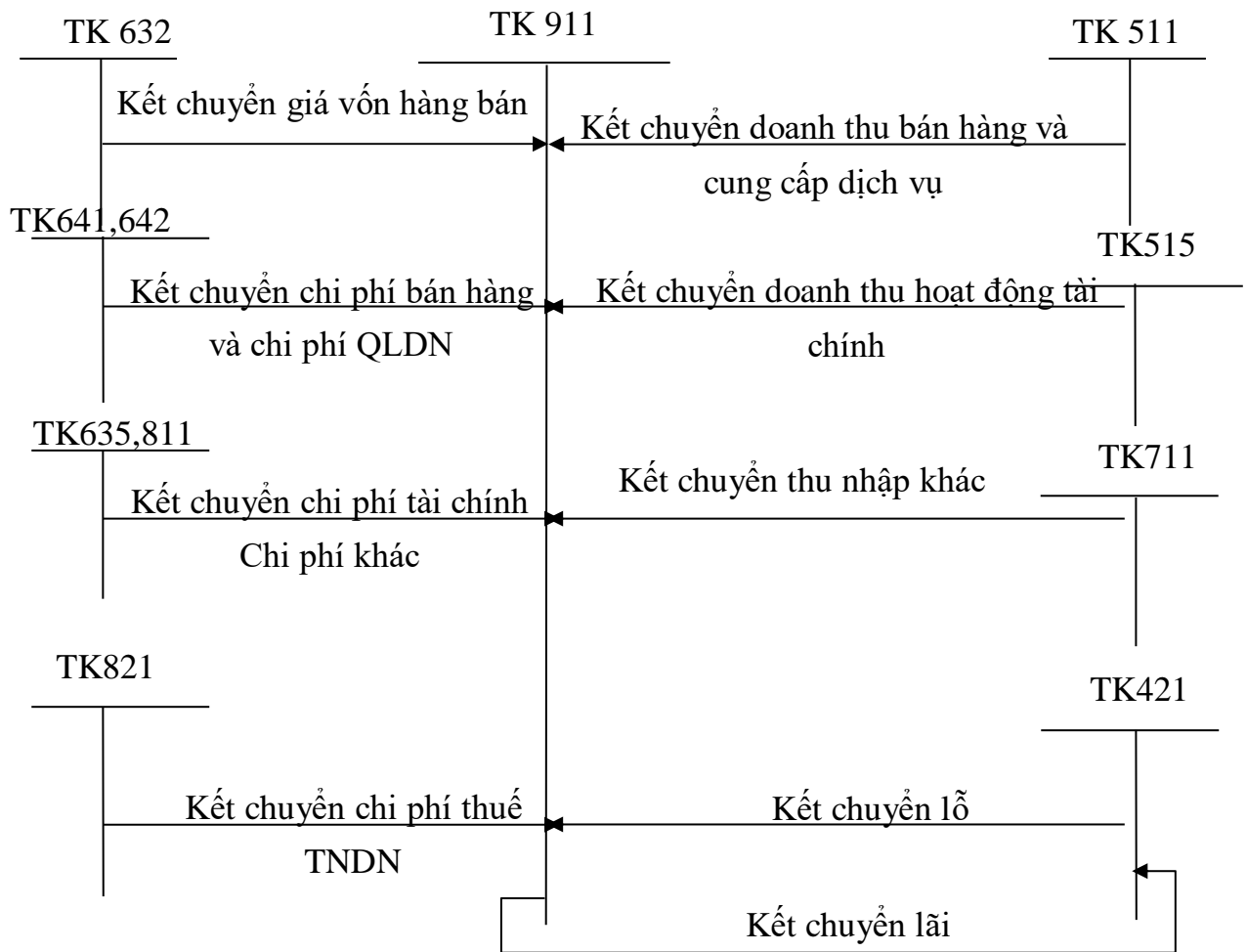
*Kết cấu tài khoản*

Nợ	TK 421 – LNST chưa phân phối	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</li> <li>- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp</li> <li>- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu</li> <li>- Bổ sung vốn đầu tư của CSH</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ</li> <li>- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh</li> </ul>	

*Tài khoản cấp 2:*

- + TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- + TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

❖ Phương pháp hạch toán



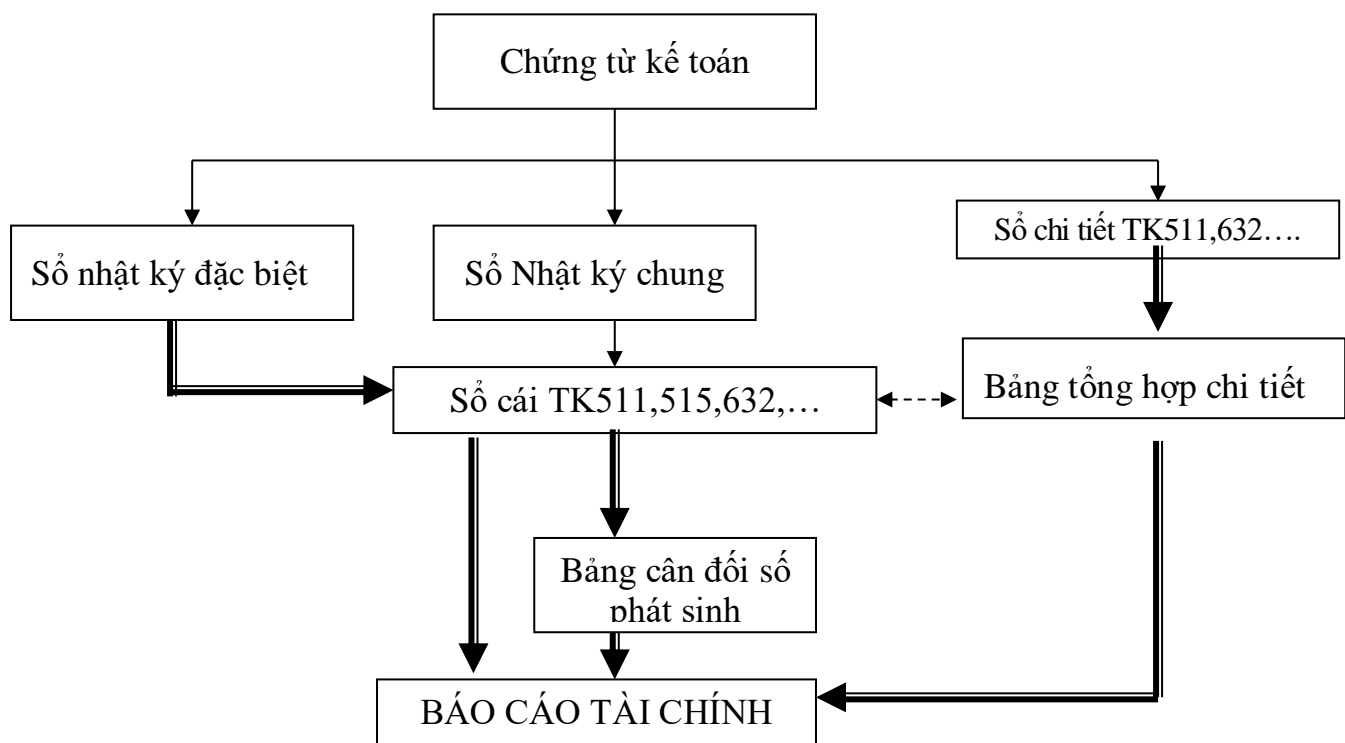
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

**1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán**

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT 200/2014 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được phép tự xây dựng hệ thống sổ sách kế toán cho riêng mình. Trong trường hợp doanh nghiệp không tự xây dựng được thì có thể áp dụng hệ thống sổ sách theo một trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

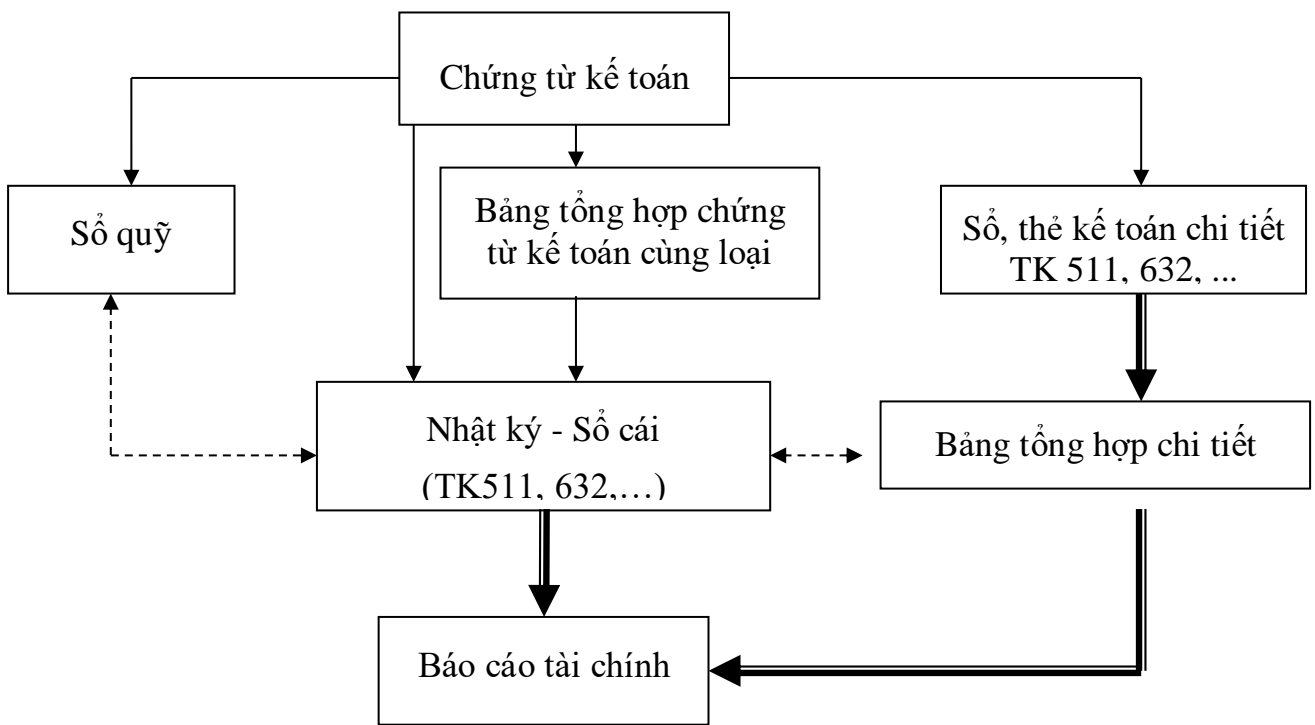
**1.9.1. Hình thức Nhật ký chung**



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
  - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
  - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.9.2 Hình thức Nhật ký – Sổ cái

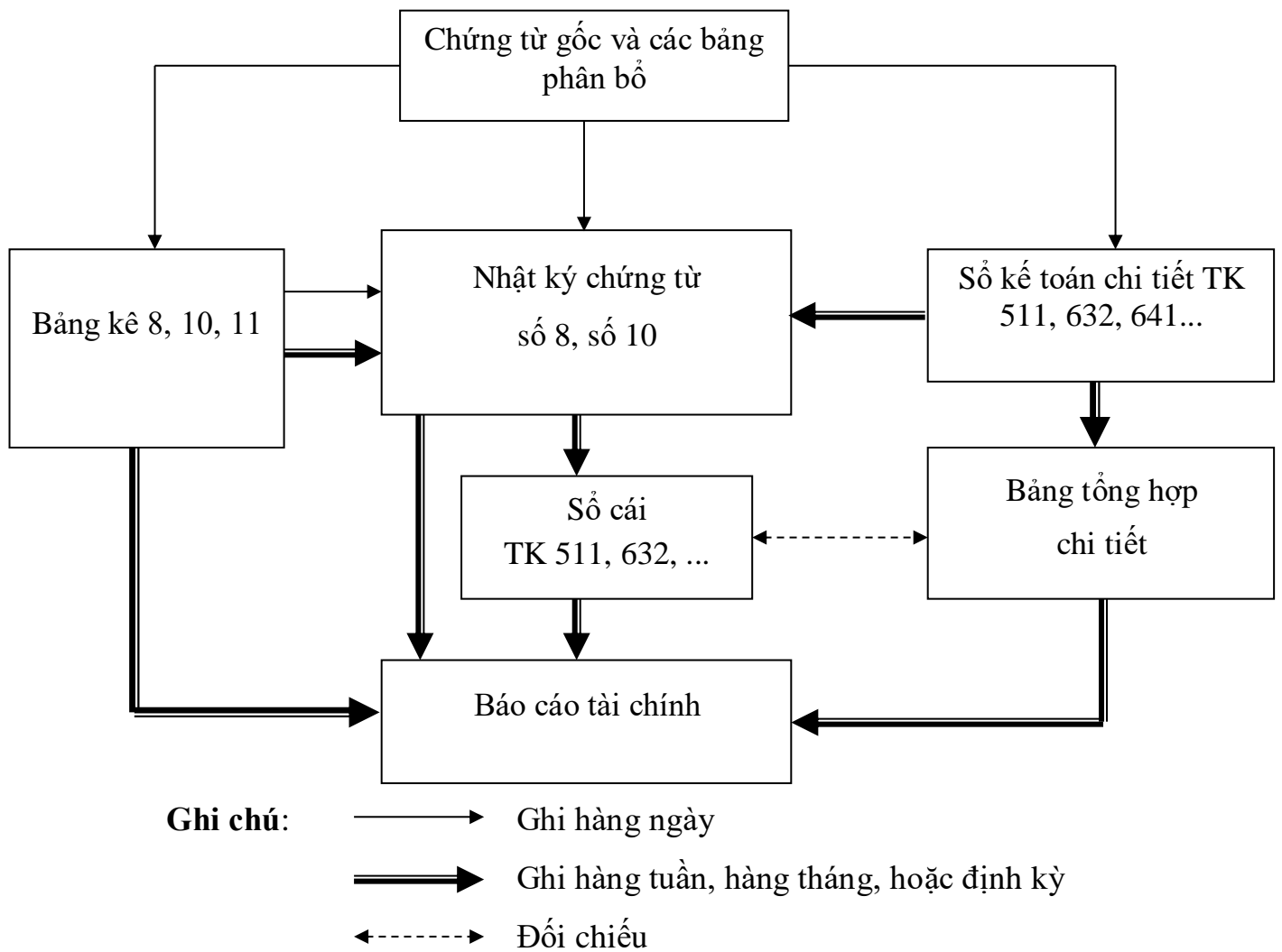


**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-.-.-> Đối chiếu

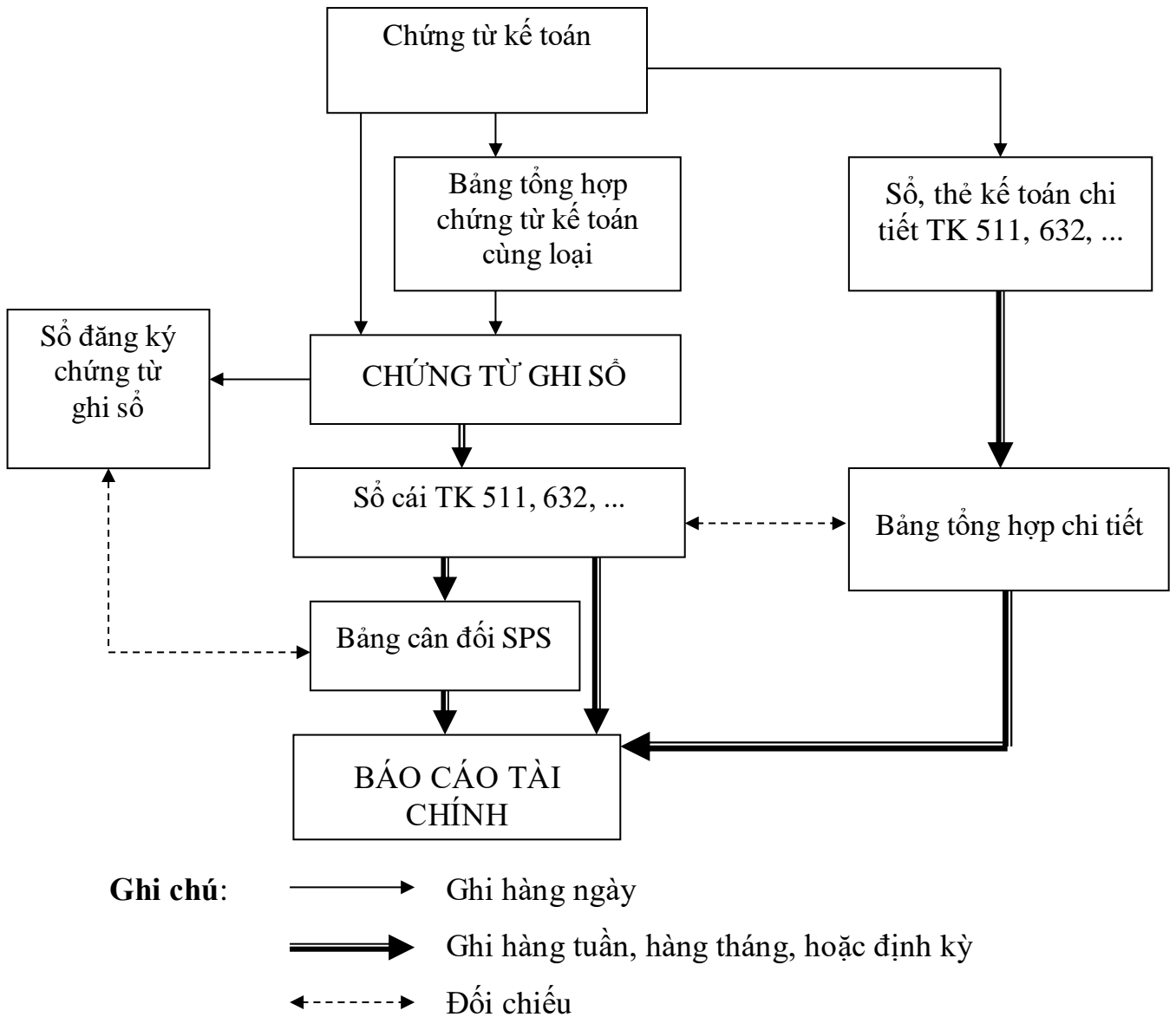
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

1.9.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ:



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

1.9.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

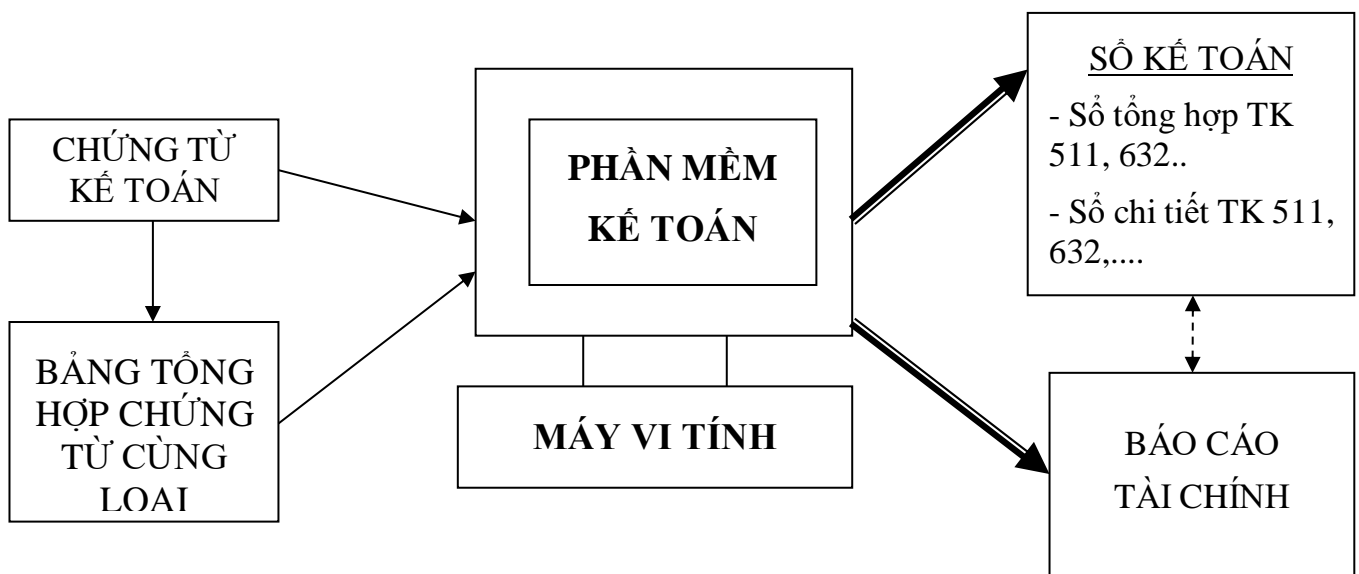


Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



**1.9.5 Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
  - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
  - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

---

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

**2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI.
- Địa chỉ: Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP
- Số điện thoại liên lạc : 0225 3856 361
- Số Fax : 0225 3856 361
- Vốn điều lệ : 10.000.000.000 (mười tỷ đồng).
- Người đại diện pháp lý: Ông Trần Trung Thành.
- Mã số thuế : 0200567935
- Lĩnh vực kinh doanh : Vận chuyển hàng hóa bằng xe Container và các dịch vụ đi kèm.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0200767349.

Công ty là doanh nghiệp tư nhân được thành lập năm 2007 với tên gọi là Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới với 16 thành viên. Ngày 30/10/2007, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng đã cấp giấy phép kinh doanh cho công ty chính thức đi vào hoạt động với hình thức là công ty cổ phần. Cho đến nay, Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới đã và đang phục vụ và cung cấp dịch vụ vận tải cho nhiều khách hàng có chủ đầu tư là người Việt Nam và người nước ngoài đầu tư tại Việt Nam.

Mục tiêu của công ty: Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về vận tải hàng hóa bằng container, kết hợp với việc kinh doanh các lĩnh vực khác nhằm thu lợi nhuận tối đa. Qua hơn 10 năm hình thành và phát triển, công ty đã dần tạo được chỗ đứng trên thị trường.

**2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới.**

❖ *Những dịch vụ mà công ty thường tiến hành là:*

- Vận chuyển hàng hóa bằng container.
- Làm tư vấn cho chủ hàng trong việc chuyên chở hàng hóa.
- Ký kết hợp đồng vận tải trong việc chuyên chở, lưu cước, thuê tàu.
- Làm thủ tục nhận hàng, gửi hàng.
- Mua bảo hiểm cho hàng hóa.
- Lập các chứng từ cần thiết trong quá trình gửi hàng và nhận hàng.
- Nhận hàng từ chủ hàng, giao cho người chuyên chở và giao cho người nhận.
- Thu xếp chuyên tải hàng hóa.
- Nhận hàng từ người chuyên chở và giao cho người nhận.
- Nhận và kiểm tra các chứng từ cần thiết liên quan đến các quá trình vận tải

hàng hóa.

- Thanh toán cước phí, chi phí xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi.
- Thông báo tình hình đi và đến của phương tiện vận tải.

❖ *Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới*

- Doanh thu và chi phí tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới được hạch toán riêng theo từng hoạt động: hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

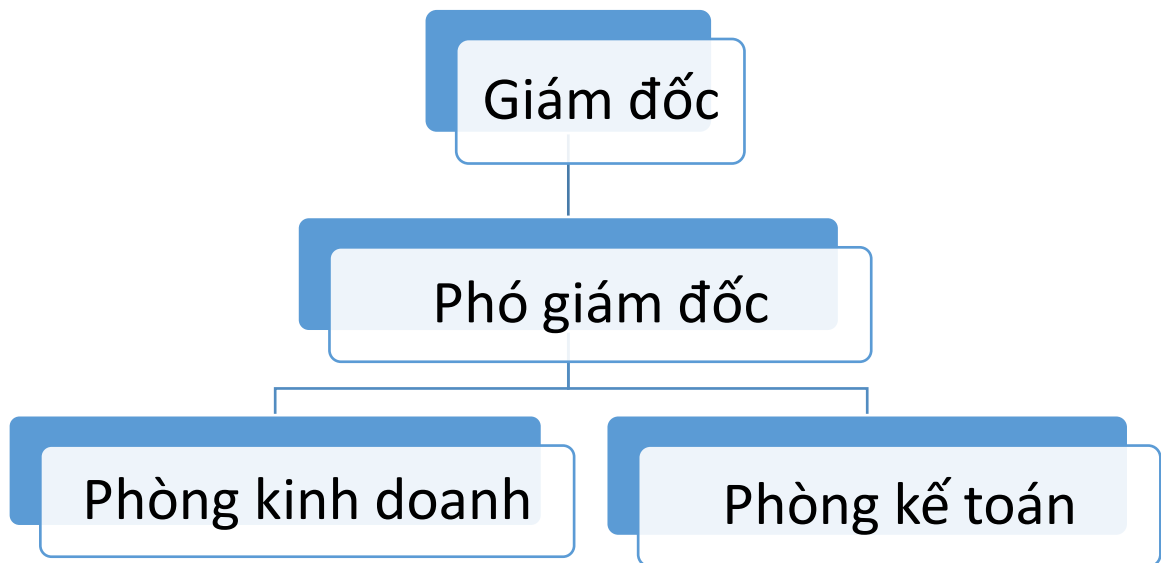
- Kết quả kinh doanh được tập hợp chung cho 3 hoạt động để xác định thuế TNDN và lợi nhuận trong kỳ kế toán của công ty.

- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo năm dương lịch.

**2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**

Bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Đứng đầu Công ty là giám đốc chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty. Dưới giám đốc là các phòng ban chức năng với những nhiệm vụ khác

nhau nhưng có cùng chức năng tham mưu cho giám đốc trong quản lý, điều hành công việc. Bộ máy của Công ty được thể hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

**Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban:**

✓ Giám đốc: Chịu trách nhiệm, quyền hạn cao nhất đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh. Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

✓ Phó Giám đốc: Quản lý mọi vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh theo chiến lược và kế hoạch của mình đề ra. Cùng giám đốc theo dõi quá trình sản xuất kinh doanh và thay mặt giám đốc giải quyết công việc khi giám đốc vắng mặt.

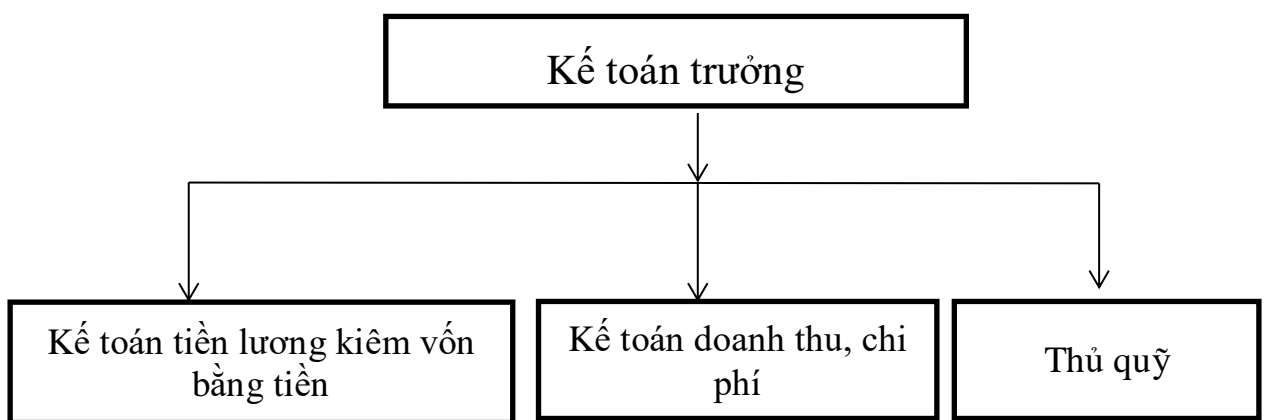
✓ Phòng kinh doanh: Chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ giám đốc hoặc phó giám đốc, phụ trách kinh doanh, quan hệ đối tác với khách hàng. Dự báo cáo vấn đề về hàng hóa và dịch vụ, đề xuất các phương án giá cả và lập kế hoạch kinh doanh cho cả công ty. Trực tiếp điều phối hoạt động vận tải.

✓ Phòng kế toán: Phòng Tài chính - kế toán: có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về

tính chính xác của báo cáo tài chính. Đồng thời còn tham mưu đắc lực cho giám đốc thông qua tình hình tài chính.

#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý chứng từ luân chuyên, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.



**Sơ đồ 2.2:** Sơ đồ bộ máy kế toán.

#### **\*Chức năng nhiệm vụ của từng nhân viên**

##### **+ Kế toán trưởng:**

- Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho Giám đốc điều hành.
- Tham mưu giúp việc cho giám đốc, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê thông tin, tài chính của công ty.
- Tổ chức công tác và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty theo yêu cầu của cơ chế quản lý.
- Tổ chức hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc ghi chép tính toán, phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế về tài chính của công ty.
- Trực tiếp làm công tác kế toán tổng hợp và điều hành nhiệm vụ trong phòng.

- Ký duyệt các tài liệu kế toán, có quyền từ chối không ký duyệt vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp không phù hợp với chế độ quy định.

- Được tham gia vào công tác tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt vị trí cho các kế toán viên, thủ kho, thủ quỹ trong doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp.

- Báo cáo, thống kê tình hình tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời cho ban giám đốc theo tháng, quý, năm hoặc có thể đột xuất.

- Lập các báo cáo theo quy định: Báo cáo thuế, tờ khai thuế, báo cáo tài chính, các báo cáo theo yêu cầu của quản lý,....

+ **Kế toán doanh thu, chi phí:**

- Nhận, đối chiếu, kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo doanh thu từ khách hàng sau đó lập báo cáo doanh thực hiện trong kỳ.

- Theo dõi các khoản chi phí phát sinh đến hoạt động vận tải và tính giá thành dịch vụ vận tải trong năm.

- Lập phương án xử lý các trường hợp công nợ khó đòi bằng các nghiệp vụ chuyên môn.

- Thực hiện báo cáo doanh thu công nợ.

- Hỗ trợ báo cáo doanh thu định kỳ cho Công ty.

+ **Kế toán vốn bằng tiền kiêm kế toán tiền lương:**

- Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay

- Theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định và trích khấu hao tài sản cố định

- Tính lương và các khoản trích theo lương cho người lao động, thanh toán số lương phải trả cho từng người theo quy định.

+ **Thủ quỹ:**

- Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán của công ty

- Tự động kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày, quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt của công ty

- Chịu trách nhiệm lưu giữ chứng từ thu chi tiền

- Kiểm tra số tiền. nội dung. ngày tháng lập trên Phiếu thu, Phiếu chi với chứng từ gốc.

- Kiểm tra số tiền thu vào hoặc chi ra cho chính xác để nhập hoặc xuất quỹ tiền mặt

- Đảm bảo số dư tồn quỹ phục vụ kinh doanh và chi trả lương cho nhân viên bằng việc thông báo kịp thời số dư tồn quỹ cho kế tổng hợp.

\* Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng:

- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá vốn xuất kho: phương pháp giá đích danh.

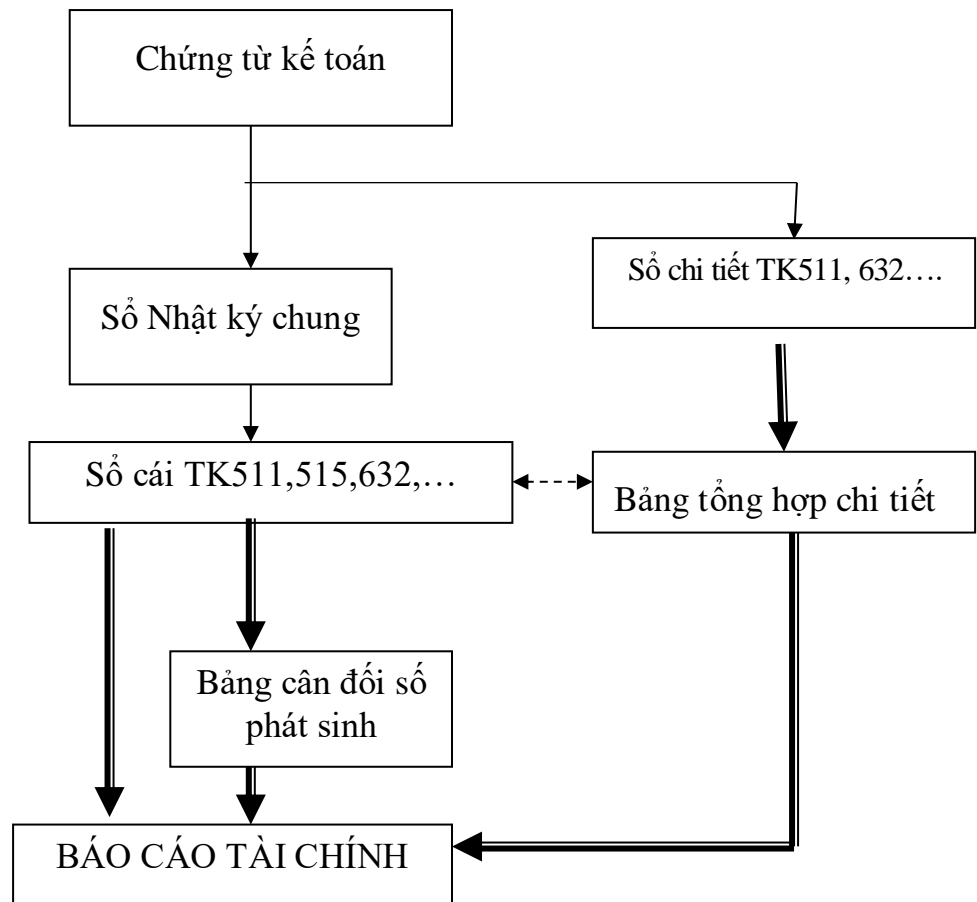
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT khấu trừ.

- Chế độ kế toán áp dụng: Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật kí chung.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
  - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
  - > Đối chiếu

**Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**

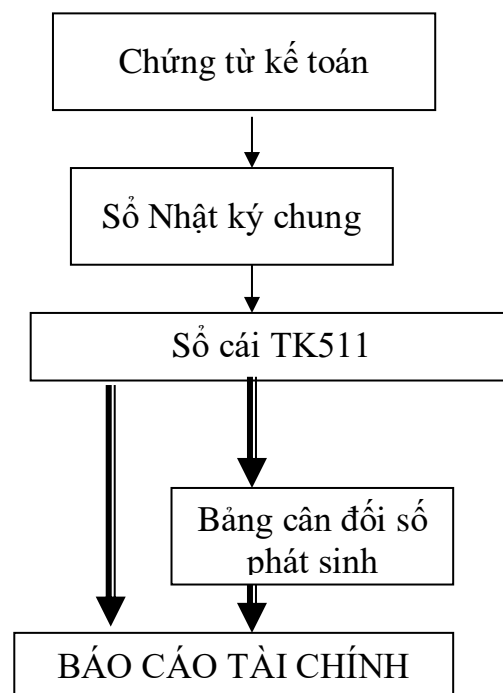


## 2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

### 2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

#### 2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- ❖ Chứng từ sử dụng:
  - + Hóa đơn GTGT
  - + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
  - + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...
- ❖ Tài khoản sử dụng:
  - + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
  - + TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...
- ❖ Sổ sách sử dụng:
  - + Sổ Nhật ký chung
  - + Sổ Cái TK 511
- ❖ Phương pháp hạch toán:



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
  - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
  - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

**Ví dụ 1:** Ngày 01/12/2017, theo hóa đơn GTGT số 0000572 (biểu số 2.1) vận chuyển hàng cho Công ty TNHH thương mại Hoàng Dũng, tổng giá thanh toán 38.962.000đồng, chưa thu được tiền.

**Ví dụ 2:** Ngày 03/12/2017, theo hóa đơn GTGT số 0000579 (biểu số 2.2) vận chuyển hàng cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thái An, tổng giá thanh toán 67.100.000đồng, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

**Ví dụ 3:** Ngày 18/12/2017, theo hóa đơn GTGT số 0000611 (biểu số 2.4) vận chuyển hàng cho Công ty cổ phần Hùng Phát, tổng giá thanh toán 13.420.000đồng, đã thanh toán bằng tiền mặt.

**Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001															
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: HM/17P															
Ngày 01 tháng 12 năm 2017			Số: <b>0000572</b>															
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI</b>																		
Mã số thuế: 0200567935																		
Địa chỉ: Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP																		
Điện thoại: 0225 3856 361																		
Số tài khoản:																		
Họ tên người mua hàng: .....																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại Hoàng Dũng																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	8	6	1	2	6	5			
0	2	0	0	8	6	1	2	6	5									
Địa chỉ: số 96 Đà Nẵng, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng																		
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=5x4													
1	Vận chuyển hàng theo HĐKT số 451/HĐKT ngày 25/11/2017				35.420.000													
	/																	
Cộng tiền hàng					35.420.000													
Thuế GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT 3.542.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					38.962.000													
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi tám triệu, chín trăm sáu hai ngàn đồng chẵn .																		
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)														

( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: HM/17P																
Ngày 03 tháng 12 năm 2017			Số: <b>0000579</b>																
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI</b>																			
Mã số thuế: 0200567935																			
Địa chỉ: Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP																			
Điện thoại: 0225 3856 361																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng: .....																			
Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thái An																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	7	0	7	9	0	5				
0	2	0	0	7	0	7	9	0	5										
Địa chỉ: số 119 Nguyễn Văn Linh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Vận chuyển hàng theo HĐKT số 462/HĐKT ngày 28/11/2017				61.000.000														
	/																		
Cộng tiền hàng					61.000.000														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		6.100.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					67.100.000														
Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu, một trăm ngàn đồng chẵn .																			
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			
( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)																			

**Biểu số 2.3: Giấy báo có**



NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN

Mã GDV: 3515

Mã KH: 23429

Số GD: 523

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày: 03/12/2017

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 102010001141468

Số tiền bằng số: 67.100.000.

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu, một trăm ngàn đồng chẵn./

Nội dung: # Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thái An trả tiền #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001															
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: HM/17P															
Ngày 18 tháng 12 năm 2017			Số: <b>0000611</b>															
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI</b>																		
Mã số thuế: 0200567935																		
Địa chỉ: Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP																		
Điện thoại: 0225 3856 361																		
Số tài khoản:																		
Họ tên người mua hàng: .....																		
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Hùng Phát																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	1	0	6	2	1	3	5			
0	2	0	1	0	6	2	1	3	5									
Địa chỉ: số 41 Trần Nguyên Hãn, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng																		
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=5x4													
1	Vận chuyển hàng theo HĐKT số 488/HĐKT ngày 10/12/2017				12.200.000													
	/																	
Cộng tiền hàng					12.200.000													
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		1.220.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					13.420.000													
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng chẵn .																		
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																		
( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)																		

**Biểu số 2.5: Phiếu thu**

**Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**Mẫu số 01 – TT**  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Ngày 18 tháng 12 năm 2017

Quyển số: 12

Số: **41/12**

Nợ TK 111: 13.420.000

Có TK 511: 12.200.000

Có TK 333: 1.220.000

Họ và tên người nộp tiền : Nguyễn Hà Phương.....

Địa chỉ:..... Công ty cổ phần Hùng Phát .....

Lý do chi:.....Thu tiền vận chuyển hàng của Công ty cổ phần Hùng Phát...

Số tiền :..... 13.420.000.....(Viết bằng chữ): Mười ba triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng chẵn./.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐGTGT **0000611**.....

Ngày 18 tháng 12 năm 2017.

**Giám đốc      Kế toán trưởng      Người lập phiếu      Người nộp tiền      Thủ quỹ**

(Ký, họ tên,  
đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền( Viết bằng chữ): Mười ba triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng /

.....  
+ Tỷ giá ngoại tệ ( vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

Căn cứ vào hóa đơn số 0000572, 0000579, 0000611 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6)

**Biểu số 2.6: Trích sổ Nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03a – DN  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	
01/12	HD572	01/12	VC cho Công ty TNHH thương mại Hoàng Dũng	131 511 333	38.962.000	35.420.000 3.542.000
			...			
01/12	HD579 BC	01/12	VC cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thái An	112 511 333	67.100.000	61.000.000 6.100.000
			...			
01/12	HD611 PT41/12	01/12	VC cho Công ty cổ phần Hùng Phát	111 511 333	13.420.000	12.200.000 1.220.000
			..			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	22.086.662.050 30.342.997	22.117.005.047
			...			
			<b>Cộng</b>		<b>172.836.709.734</b>	<b>172.836.709.734</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)



Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.7)

**Biểu số 2.7 : Trích sổ cái tài khoản 511**

**Công ty cổ phần Thế Kỳ Mới**  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**Mẫu số S03b – DN**  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2017

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2017

Đơn vị: Đồng Việt Nam

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			...	...		
01/12	HD572	01/12	VC hàng cho Công ty TNHH thương mại Hoàng Dũng	131		35.420.000
...	...	...	...	...		
03/12	HD579 BC	03/12	VC hàng cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thái An	112		61.000.000
...	...	...	...	...		
18/12	HD611 PT41/12	18/12	VC hàng cho Công ty cổ phần Hùng Phát	111		12.200.000
...	...	...	...	...		
31/21	PKT19	31/21	Kết chuyển doanh thu 2017	911	22.086.662.050	
			<b>Cộng phát sinh năm</b>		<b>22.086.662.050</b>	<b>22.086.662.050</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

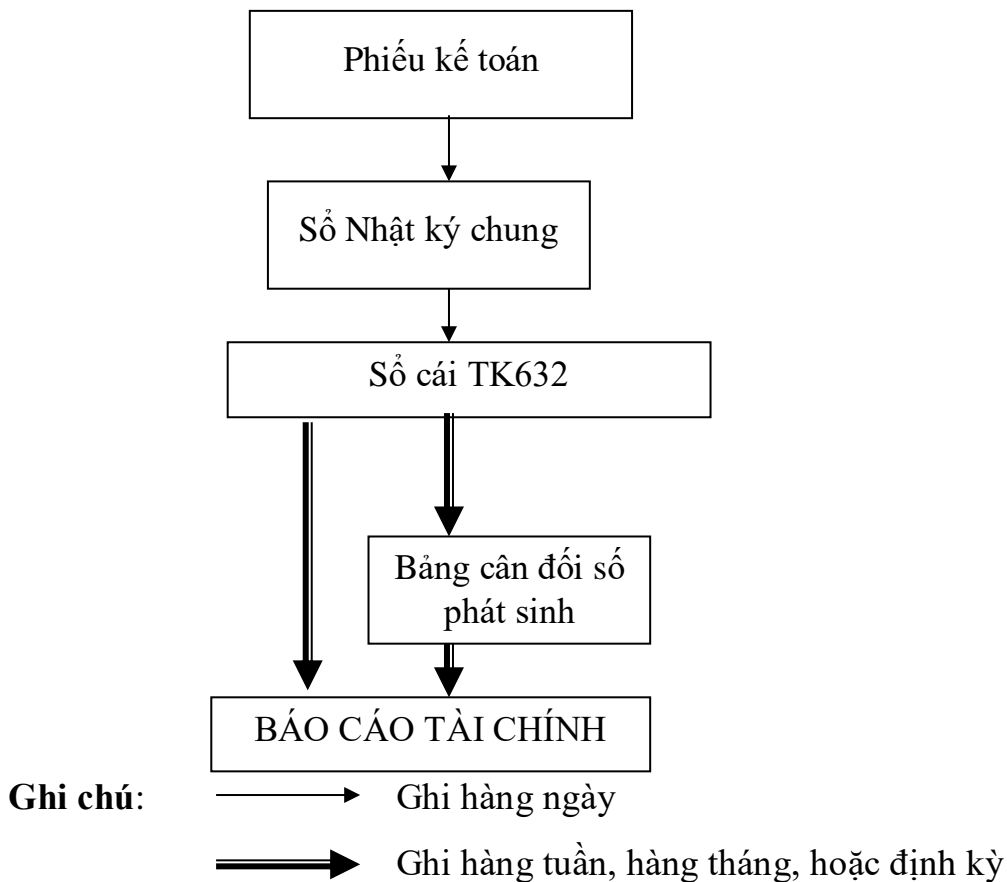
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỳ Mới)



❖ Phương pháp hạch toán hạch toán:



**Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán giá vốn tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**

**Ví dụ minh họa về tập hợp chi phí tính giá thành năm 2017:**

Các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động vận tải tập hợp được trong năm 2017, bao gồm:

- + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 8.299.050.858, đồng.
- + Chi phí nhân công trực tiếp: 3.688.467.048, đồng.
- + Chi phí sản xuất chung: 6.454.817.334, đồng.
- Tổng chi phí = Tổng giá thành: 18.442.335.240, đồng.

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 621 (Biểu số 2.8), 622(Biểu số 2.9), 627(Biểu số 2.10) kế toán tiến hành lập PKT số 17 (Biểu số 2.8) để xác kết chuyển sang TK 154 xác định giá thành.

Kế toán lập PKT số 18 (Biểu số 2.11) xác định giá thành dịch vụ vận tải năm 2017.

**Biểu số 2.8: Sổ cái TK 621**

**Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**Mẫu số S03b – DN**  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2017

**Tên TK: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

**Số hiệu : 621**

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
03/01	HĐ443	03/01	Mua nhiên liệu của Công ty cổ phần Gia Trang	331	55.661.551	
			...			
25/02	HĐ993 BN102	25/01	Mua nhiên liệu của Công ty cổ phần dầu khí An Đạt	112	112.446.881	
			...			
31/12	PKT17	31/12	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp năm 2017	154		8.299.050.858
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.299.050.858</b>	<b>8.299.050.858</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**Biểu số 2.9: Sổ cái TK 622**

**Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**Mẫu số S03b – DN**  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2017

**Tên TK: Chi phí nhân công trực tiếp**

**Số hiệu : 622**

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
02/2	BPBL01	02/2	Tiền lương của công nhân trực tiếp	334	213.441.201	
02/2	BPBL01	02/2	Các khoản trích theo lương	338	37.778.210	
			...			
01/7	BPBL06	01/7	Tiền lương của công nhân trực tiếp	334	241.661.200	
			...			
31/12	PKT17	31/12	Kết chuyển CPNC trực tiếp năm 2017	154		3.688.467.048
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>3.688.467.048</b>	<b>3.688.467.048</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**Biểu số 2.10: Sổ cái TK 627**

**Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**Mẫu số S03b – DN**  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2017

**Tên TK: Chi phí sản xuất chung**

**Số hiệu : 627**

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
15/01	HĐ1143 PC11	03/01	Chi tiền sửa ô tô BK 15: B1- 131221	111	11.442.000	
			...			
31/03	HĐ123	31/03	Mua phụ tùng thay cho xe BK 15: B1- 131221	331	34.654.000	
			...			
31/12	PKT17	31/12	Kết chuyển chi phí SXC năm 2017	154		6.454.817.334
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>6.454.817.334</b>	<b>6.454.817.334</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**Biểu số 2.11: Phiếu kế toán**

**Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 17

Ngày 31/12/2017

Nội dung	TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	154	621	8.299.050.858
Kết chuyển chi phí Nhân công trực tiếp	154	622	3.688.467.048
Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154	627	6.454.817.334
<b>Cộng</b>			<b>18.442.335.240</b>

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.12: Phiếu kế toán**

**Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 18

Ngày 31/12/2017

Nội dung	TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển giá thành dịch vụ vận tải năm 2017	632	154	18.442.335.240
<b>Cộng</b>			<b>18.442.335.240</b>

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

Từ PKT số 17 và 18, kế toán sẽ ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.13) .

**Biểu số 2.13: Trích sổ Nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03a – DN  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Đơn vị: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	
31/12	BC	31/12	Tiền lãi được hưởng	112 515	52.471	52.471
			...			
31/12	BN	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	9.543.937	9.543.937
			..			
31/12	PKT17	31/12	Kết chuyển chi phí tính giá thành dịch vụ vận tải 2017	154 621 622 627	18.442.335.240	8.299.050.858 3.688.467.048 6.454.817.334
31/12	PKT18	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ vận tải 2017	632 154	18.442.335.240	18.442.335.240
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	22.086.662.050 30.342.997	22.117.005.047
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLDN - Chi phí HĐ tài chính	911 632 642 635	21.072.371.274	18.442.335.240 2.283.760.534 346.275.500
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	208.926.755	208.926.755
			...			
			<b>Cộng</b>		<b>172.836.709.734</b>	<b>172.836.709.734</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

- Căn cứ vào số liệu trên nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (Biểu số 2.14)



**Biểu số 2.14: Sổ cái TK 632**

**Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**Mẫu số S03b – DN**  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2017

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
31/12	PKT18	31/12	Giá thành dịch vụ vận tải 2017	154	18.442.335.240	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn xác định kết quả KD năm 2017	911		18.442.335.240
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>18.442.335.240</b>	<b>18.442.335.240</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

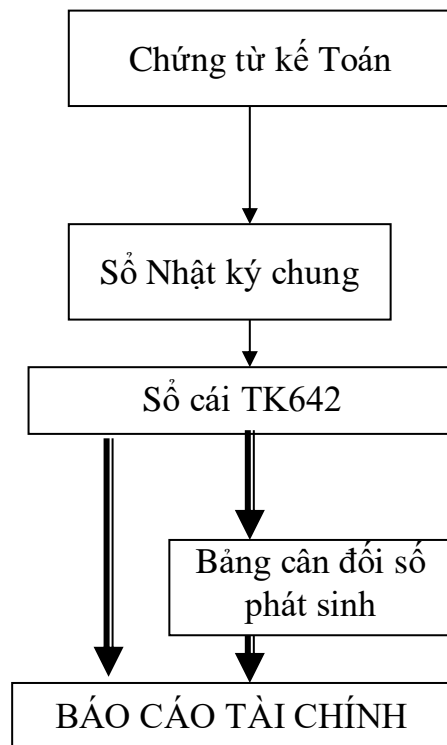
**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

- ❖ Chứng từ sử dụng:
  - + Hóa đơn GTGT
  - + Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
  - + Bảng thanh toán lương
  - + Bảng tính và phân bổ khấu hao
- ❖ Tài khoản sử dụng:
  - + Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- ❖ Sổ sách sử dụng:
  - + Sổ Nhật ký chung
  - + Sổ Cái TK 642
- ❖ Phương pháp hạch toán:



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

**Sơ đồ 2.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí QLDN tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**

**Ví dụ 1:** Ngày 10 tháng 12 công ty chi tiền tiếp khách ở bộ phận quản lý, tổng số tiền là 2.640.000 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng (biểu số 2.15) và phiếu chi (biểu số 2.16), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.19).

**Ví dụ 2:** Ngày 15 tháng 12 công ty thanh toán tiền mua văn phòng phẩm, tổng số tiền là 1.584.000 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng (biểu số 2.17) và phiếu chi (biểu số 2.18), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.19).

**Biểu số 2.15: Hóa đơn giá trị gia tăng**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 TKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/17P		
Liên 2: Giao khách hàng			<b>0000386</b>		
Ngày 10 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thái Dương					
Địa chỉ: 14 Trần Phú - Hải Phòng .....					
Số tài khoản: .....					
Điện thoại: ..... MS thuế					
			0	2	0
			0	8	9
			5	7	3
			5	+	+
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Thành .....					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới .....					
Địa chỉ: Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP					
Số tài khoản: 00 31 000 130 468 Vietcombank Hai Phong Branch. ....					
Hình thức thanh toán: TM MS:					
			0	2	0
			0	5	6
			7	9	3
			5	+	+
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tiếp khách ăn uống				2.400.000
<i>Cộng tiền hàng:</i>					2.400.000
<i>Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:</i>					240.000
<i>Tổng cộng tiền thanh toán</i>					2.640.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn/.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					
( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)					

**Biểu số 2.16: Phiếu chi**

**Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**Mẫu số 02 – TT**  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Quyển số: 12

Số: **30/12**

Nợ TK 642: 2.400.000

Nợ TK 133: 240.000

Có TK 111: 2.640.000

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Hải Hà.....

Địa chỉ:..... Phòng Kế Toán.....

Lý do chi:.....Thanh toán tiền tiếp khách .....

Số tiền :..... 2.640.000.....(Viết bằng chữ): Hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn./.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐGTGT **0000386**.....

Ngày 10 tháng 12 năm 2017.

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền( Viết bằng chữ): Hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn/

+ Tỷ giá ngoại tệ ( vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**Biểu số 2.17: Hóa đơn giá trị gia tăng**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 TKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/17P		
Liên 2: Giao khách hàng			<b>0000416</b>		
Ngày 15 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty Thiết bị trường học Lan Cường					
Địa chỉ: 27 Phan Bội Châu – Quang Trung – Hồng Bàng - Hải Phòng.....					
Số tài khoản: .....					
Điện thoại: ..... MS thuế					
			0	2	0
			0	8	0
			5	2	1
			5		
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Thành .....					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới .....					
Địa chỉ: Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP					
Số tài khoản: 00 31 000 130 468 Vietcombank Hai Phong Branch. ....					
Hình thức thanh toán: TM MS:					
			0	2	0
			0	5	6
			7	9	3
			5		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bìa kẹp A4 FO	cái	5	32.000	160.000
2	Bìa 40 lá A4 ES	cái	10	58.000	580.000
3	File 4 ngăn	cái	5	128.000	625.000
5	Ghi rập DX12	Cái	5	15.000	75.000
<i>Cộng tiền hàng:</i>					1.440.000
<i>Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:</i>					144.000
<i>Tổng cộng tiền thanh toán</i>					1.584.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm tám mươi tư ngàn đồng chẵn/.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**Biểu số 2.18: Phiếu chi**

**Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**Mẫu số 02 – TT**  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Quyển số: 12

Số: **35/12**

Nợ TK 642: 1.440.000

Nợ TK 133: 144.000

Có TK 111: 1.584.000

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Mạnh Cường.....

Địa chỉ:..... Phòng Kinh doanh.....

Lý do chi:.....Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm.....

Số tiền :..... 1.584.000.....(Viết bằng chữ): Một triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn đồng chẵn./.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐGTGT **0000416**.....

Ngày 10 tháng 12 năm 2017.

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền( Viết bằng chữ): Một triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn đồng chẵn /  
+ Tỷ giá ngoại tệ ( vàng, bạc, đá quý).....  
+ Số tiền quy đổi.....

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

Căn cứ vào phiếu chi số 30/12, 35/12 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.19)

**Biểu số 2.19: Trích sổ Nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03a – DN  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
10/12	PC 30/12 HĐ386	10/12	Chi tiếp khách	642 133 111	24.00.000 240.000	2.640.000
			...			
15/12	PC 35/12 HĐ416	15/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642 133 111	1.440.000 144.000	1.584.000
			...			
31/12	BC	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	9.543.937	9.543.937
			..			
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLDN - Chi phí HĐ tài chính	911 632 642 635	21.072.371.274	18.442.335.240 2.283.760.534 346.275.500
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 333	208.926.755	208.926.755
			...			
			<b>Cộng</b>		<b>172.836.709.734</b>	<b>172.836.709.734</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)  
Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.20).



**Biểu số 2.20. Trích sổ cái TK 642**

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2017

**Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Số hiệu: 642**

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
...	...	...	...	...	...	...
10/12	PC30/12	10/12	Thanh toán tiền chi tiếp khách	111	2.400.000	
...	...	...	...	...	...	...
15/12	PC35/12	15/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.440.000	
			..			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN 2017	911		2.283.760.534
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>2.283.760.534</b>	<b>2.283.760.534</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**

**2.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

❖ **Chứng từ sử dụng**

Phiếu thu, giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng, sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo TK của ngân hàng. Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính
- Và các TK liên quan

**2.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

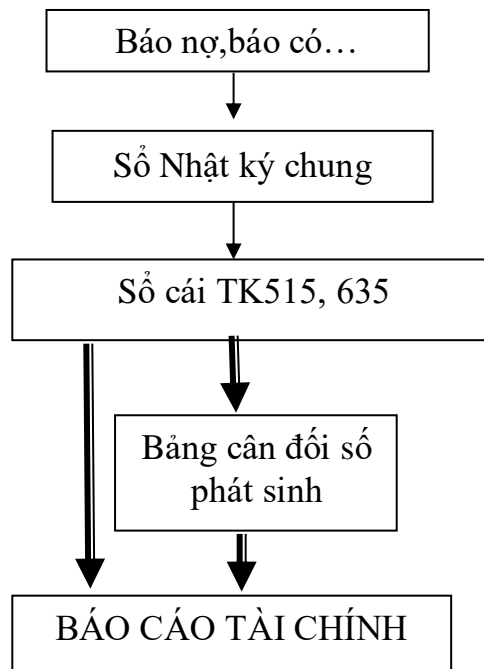
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Giấy báo lãi, sổ phụ của ngân hàng
- Các chứng từ thông báo TK của ngân hàng.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 635- Chi phí hoạt động tài chính
- Và các TK liên quan.

**2.2.2.3. Phương pháp hạch toán.**



**Ghi chú:**

—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

**Sơ đồ 2.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**

- **Ví dụ 1:** Ngày 31 tháng 12 năm 2017, công ty Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới nhận lãi từ ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hải Phòng số tiền 52.471 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có (biểu số 2.21) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 52.471

Có TK 515: 52.471

- **Ví dụ 2:** Ngày 31 tháng 12 năm 2017, công ty trả tiền lãi vay cho ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hải Phòng, số tiền 9.543.937 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo Nợ (biểu số 2.22) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 635: 9.543.937

Có TK 112: 9.543.937

Từ giấy báo có, báo nợ trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.23).

**Biểu số 2.21: Giấy báo có**



NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN

Mã GDV: 3515

Mã KH: 23429

Số GD: 568

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày: 31/12/2017

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 102010001141468

Số tiền bằng số: 52.471

Số tiền bằng chữ: Năm mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng./

Nội dung: # LÃI NHẬP GỐC #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**Biểu số 2.22: Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương**



NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN

Mã GDV: 3515

Mã KH: 23429

Số GD: 552

**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày: 31/12/2017

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 102010001141468

Số tiền bằng số: 9.543.937

Số tiền bằng chữ: Chín triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng chẵn/

Nội dung: # TRẢ LÃI VAY #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

Căn cứ vào giấy Báo Có (Biểu số 2.21), Báo Nợ (Biểu số 2.22) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.23)

**Biểu số 2.23: Trích sổ Nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03a – DN  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2017

Đơn vị: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			...			
31/12	BC	31/12	Tiền lãi được hưởng	112 515	52.471	52.471
			...			
31/12	BN	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	9.543.937	9.543.937
			..			
31/12	PKT18	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ vận tải 2017	632 154	18.442.335.240	18.442.335.240
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	22.086.662.050 30.342.997	22.117.005.047
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLDN - Chi phí HĐTC	911 632 642 635	21.072.371.274	18.442.335.240 2.283.760.534 346.275.500
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 333	208.926.755	208.926.755
			...			
			<b>Cộng</b>		<b>172.836.709.734</b>	<b>172.836.709.734</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)  
Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.24).

**Biểu số 2.24. Trích sổ cái TK 515**

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2017

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
			.....			
30/11	BC	30/11	Ngân hàng vietinbank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	112		32.156
			...			
31/12	BC	31/12	Ngân hàng vietinbank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	112		52.471
31/12	BC	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng thương mại Á Châu	112		58.472
			...			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính 2017	911	30.342.997	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>30.342.997</b>	<b>30.342.997</b>
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)  
Tờ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 635 (biểu số 2.25).

**Biểu số 2.25. Trích sổ cái TK 635**

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2017

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu : 635

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
			...			
31/10	BN	31/10	Trả lãi cho ngân hàng Vietin bank	112	12.125.875	
			...			
30/11	BN	30/11	Trả lãi cho ngân hàng Vietin bank	112	10.205.891	
			...			
<b>31/12</b>	<b>BN</b>	<b>31/12</b>	<b>Trả lãi cho ngân hàng Vietin bank</b>	<b>112</b>	<b>9.543.937</b>	
			...			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính 2017	911		346.275.500
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>346.275.500</b>	<b>346.275.500</b>
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)



**2.2.3. Nội dung kế toán doanh thu khác, chi phí khác tại công ty cổ phần Thế Kỷ Mới.**

Trong năm công ty cổ phần Thế Kỷ Mới không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến TK711 và TK 811

**2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**

❖ Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

❖ Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK911: “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

+ Sổ cái TK421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

❖ Ví dụ minh họa:

- Ngày 31/12, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK511, TK515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 19 (Biểu số 2.26) để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

**Biểu số 2.26. Phiếu kế toán số 19**

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 19**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2017**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	22.086.662.050
2	Kết chuyển doanh thu HĐ tài chính	515	911	30.342.997
	<b>Cộng</b>			<b>22.117.005.047</b>

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

- Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632, 635, 642 kế toán tiến hành lập PKT số 20 (Biểu số 2.27) để kết chuyển chi phí xác định kết quả kinh doanh.

**Biểu số 2.27. Phiếu kế toán số 20**

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**SỐ: 20**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2017**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	18.442.335.240
2	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	2.283.760.534
3	Kết chuyển chi phí HĐ chính	911	635	346.275.500
	<b>Cộng</b>			<b>21.072.371.274</b>

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)*

- Căn cứ vào PKT số 19 và PKT số 20, kế toán ghi vào sổ Nhật chung (Biểu số 2.31)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi Sổ cái TK511 (Biểu số 2.7), Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.14), Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.20), Sổ cái TK515 (Biểu số 2.24), Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.25), Sổ cái TK 911 (Biểu số 2.32).

- Căn cứ vào Sổ cái TK 911, kế toán xác định lợi nhuận trước thuế, từ đó lập PKT số 21 để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và PKT số 22 để kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Biểu số 2.28. Phiếu kế toán số 21**

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 21**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2017**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2017	821	3334	208.926.755
	<b>Cộng</b>			<b>208.926.755</b>

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 22**

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 22**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2017**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	208.926.755
	<b>Cộng</b>			<b>208.926.755</b>

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

- Căn cứ vào PKT số 21 và PKT số 22, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.31). Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 911 ( biểu số 2.32), Sổ cái TK 821 (biểu số 2.33)

- Căn cứ vào Sổ cái TK 911, kế toán lập PKT số 23 để kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

**Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 23**

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 23**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2017**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Lợi nhuận sau thuế	911	421	835.707.018
	<b>Cộng</b>			<b>835.707.018</b>

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

- Căn cứ vào PKT số 23, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.31). Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 911 ( biểu số 2.32), TK 421 (biểu số 2.34)

**Biểu số 2.31: Trích sổ Nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03a – DN  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Đơn vị: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
31/12	BC	31/12	Tiền lãi được hưởng	112 515	52.471	52.471
			...			
31/12	BN	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	9.543.937	9.543.937
			..			
31/12	PKT18	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ vận tải 2017	632 154	18.442.335.240	18.442.335.240
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	22.086.662.050 30.342.997	22.117.005.047
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLDN - Chi phí HĐTC	911 632 642 635	21.072.371.274	18.442.335.240 2.283.760.534 346.275.500
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	208.926.755	208.926.755
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	208.926.755	208.926.755
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	835.707.018	835.707.018
			<b>Cộng</b>		<b>172.836.709.734</b>	<b>172.836.709.734</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**Biểu số 2.32. Trích sổ cái TK 911**

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm 2017

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		22.086.662.050
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		30.342.997
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	18.442.335.240	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	2.283.760.534	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	346.275.500	
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	208.926.755	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	835.707.018	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>22.117.005.047</b>	<b>22.117.005.047</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**Biểu số 2.33. Trích sổ cái TK 821**

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm 2017

Tên tài khoản: Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	333	208.926.755	
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		208.926.755
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>208.926.755</b>	<b>208.926.755</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới)

**Biểu số 2.34. Trích sổ cái TK 421**

Công ty cổ phần Thế Kỳ Mới  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm 2017

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			<b>87.315.607</b>
			<b>Số phát sinh</b>			
			...			
31/12	PKT23	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		835.707.018
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>300.000.000</b>	<b>835.707.018</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b>623.022.625</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỳ Mới)



**Biểu số 2.35: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Công ty cổ phần Thế Kỳ Mới  
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: B02-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2007

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		22.086.662.050	19.455.678.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		22.086.662.050	19.455.678.124
4. Giá vốn hàng bán	11		18.442.335.240	17.553.867.356
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.644.326.810	1.901.810.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		30.342.997	46.450
7. Chi phí tài chính	22		346.275.500	112.886.451
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.283.760.534	1.713.878.940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		1.044.633.773	75.091.827
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.044.633.773	75.091.827
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		208.926.755	15.018.365
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		835.707.018	60.073.462

Người lập biểu

Hải phòng, ngày 03 tháng 02 năm 2018  
Kế toán trưởng

Giám đốc

( Nguồn: Phòng kế toán - Công ty cổ phần Thế Kỳ Mới)

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

### 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực vận tải. Trong thời kì kinh tế phát triển hiện nay, công ty đã và đang có những bước tiến xa hơn trong lĩnh vực hoạt động của mình. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng cần phải được hoàn thiện hơn.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới đã đạt được những ưu điểm song cũng còn tồn tại một số nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế, khắc phục những điểm yếu để công tác kế toán ngày càng hiệu quả hơn.

#### 3.1.1. Ưu điểm

##### - Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

+ Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng cho các cấp quản lý.

+ Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

##### - Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty trong thời kỳ hiện nay.

+ Nhận sự trong phòng kế toán được sắp xếp hợp lý, khoa học, phân công nhiệm vụ rõ ràng; mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát toàn

bộ công tác kế toán của công ty. Đội ngũ kế toán trong công ty là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm, nên phản ánh nhanh chóng, kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý.

**- Về hình thức sổ kế toán:**

Công ty hạch toán ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên, liên tục và đầy đủ.

**- Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính**

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư số 200/2014/QĐ-BTC.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

**- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

+ Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp.... Công ty cũng thường xuyên cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán, giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, phù hợp.

+ Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh

thu.

+ Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được công ty ghi chép một cách đầy đủ, chính xác; giúp công ty quản lý chặt chẽ được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh; từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh chi phí một cách hợp lý để tăng lợi nhuận của công ty.

+ Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

### **3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới còn bộc lộ những hạn chế sau:

**Thứ nhất, về công tác ghi chép sổ sách kế toán:** Công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay mặc dù có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, giảm hiệu quả của công việc.

**Thứ hai, về hệ thống sổ sách kế toán:** Công ty không lập sổ chi tiết tài khoản 511, 632 nên khó theo dõi được doanh thu, giá vốn của từng hoạt động của công ty. Công ty không lập sổ chi tiết tài khoản 642 nên khó theo dõi được nội dung các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó công tác quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp chưa hiệu quả.

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Nước ta đang trong quá trình đổi mới, quá trình cạnh tranh càng khốc liệt, bất kể doanh nghiệp nào cũng mong muốn tìm kiếm lợi nhuận cao nhất. Các nhà quản lý phải sang suốt hơn trong việc lựa chọn các quyết định kinh doanh, và kế toán là một công cụ không thể thiếu trong việc đưa ra các quyết định kinh tế tài chính, nhất là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trước

tiên là vì lợi ích và hiệu quả của chính bản thân doanh nghiệp. Sau đó là vì lợi ích và hiệu quả quản lý của nhà nước.

Trong công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phân hành kế toán kế thừa nhiều kết quả của các phân hành kế toán khác, do đó việc hoàn thiện nó phải mang tính toàn diện, tổng thể. Việc hoàn thiện này có ý nghĩa rất lớn. Đối với công tác kế toán thì hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh góp phần nâng cao tính hài hòa, chặt chẽ giữa các phân hành kế toán trong doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán, do đó tiết kiệm được thời gian, chi phí, cũng như nguồn lực con người. Bất kỳ một nhà quản lý nào đều mong muốn có được nguồn thông tin chính xác, kịp thời để đưa ra quyết định chính xác nhất, và nguồn thông tin kế toán luôn được quan tâm hàng đầu, như vậy hoàn thiện kế toán kết quả kinh doanh cũng là tăng cường hiệu quả quản lý, tăng hiệu quả kinh doanh.

Vì vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp là một tất yếu khách quan đòi hỏi doanh nghiệp luôn có ý thức trong việc tìm ra các giải pháp hoàn thiện tích cực phù hợp với sự biến động của nền kinh tế thị trường.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh**

Để đáp ứng về nhu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thế Kỷ Mới phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư, nghị định của Nhà nước. Việc tổ chức công tác kế toán ở mỗi đơn vị cụ thể được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình của từng đơn vị.

- Hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tùy theo từng ngành nghề, lĩnh vực, quy mô mà doanh

ng nghiệp lựa chọn theo chế độ, quyết định phù hợp với mình. Khi áp dụng phù hợp, công tác kế toán sẽ trở nên đơn giản và hiệu quả hơn. Hoàn thiện công tác kế toán chính vì mục tiêu cuối cùng là nhằm giảm bớt sự phức tạp, giảm bớt khối lượng công việc kế toán nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc trưng của doanh nghiệp đặc biệt là phù hợp với trình độ và năng lực của đội ngũ các bộ nhân viên phòng kế toán.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng thông tin một cách kịp thời, chính xác, góp phần làm tăng tính hiệu quả cho công tác quản lý doanh nghiệp. Đặc biệt là các thông tin kế toán nội bộ càng chính xác, kịp thời thì các quyết định quản trị càng khả thi và giúp cho doanh nghiệp bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Thông tin kế toán có được sau khi đã hoàn thiện phải tốt hơn, chuẩn hơn, đầy đủ hơn so với trước.

- Hoàn thiện phải đảm bảo tính khả thi dựa trên nguyên tắc tiết kiệm mà hiệu quả. Tiết kiệm là làm sao để chi phí bỏ ra là thấp mà hiệu quả thu được là cao thì khi đó việc hoàn thiện mới thực sự có kết quả tốt. Ngược lại, để hoàn thiện công tác kế toán mà chi phí bỏ ra quá lớn trong khi đó lợi ích thu lại không đủ bù đắp được thì cũng không khả thi.

### **3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới**

Trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số kiến nghị để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

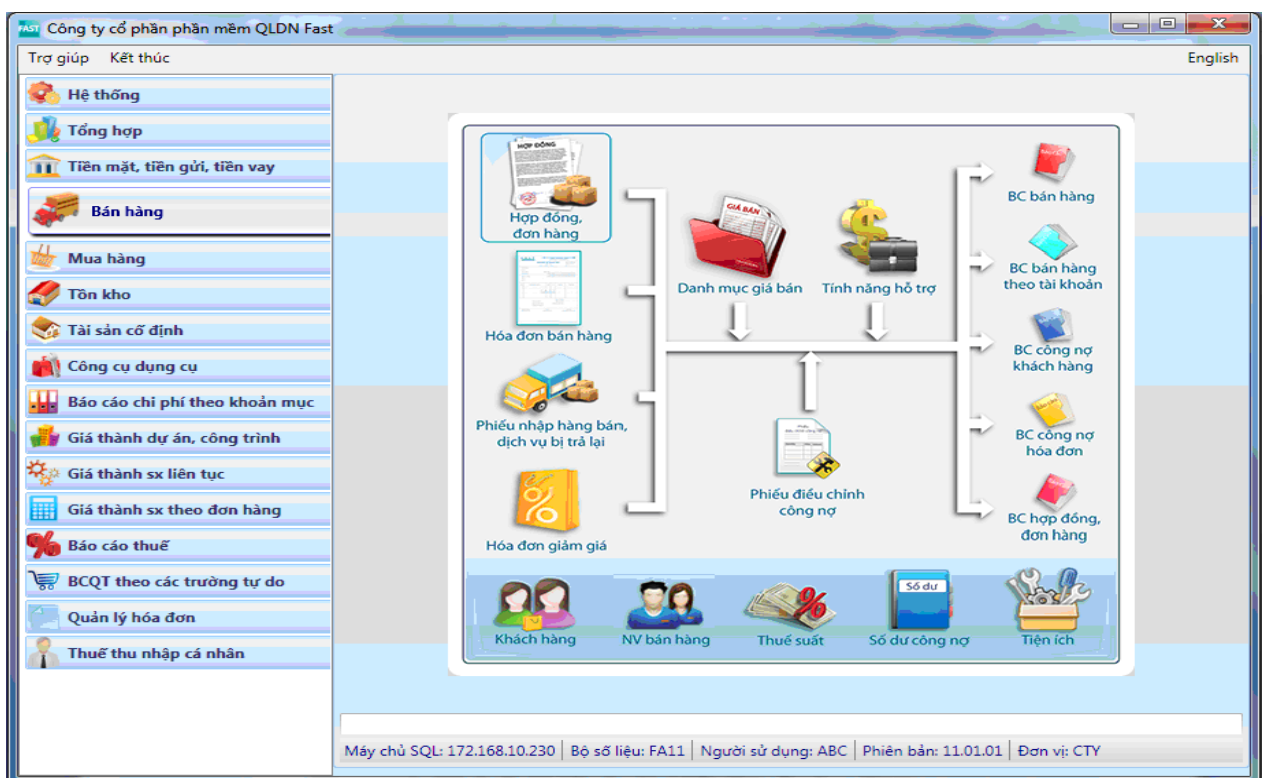
#### **➤ Kiến nghị 1: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.**

Tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà

hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, Công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

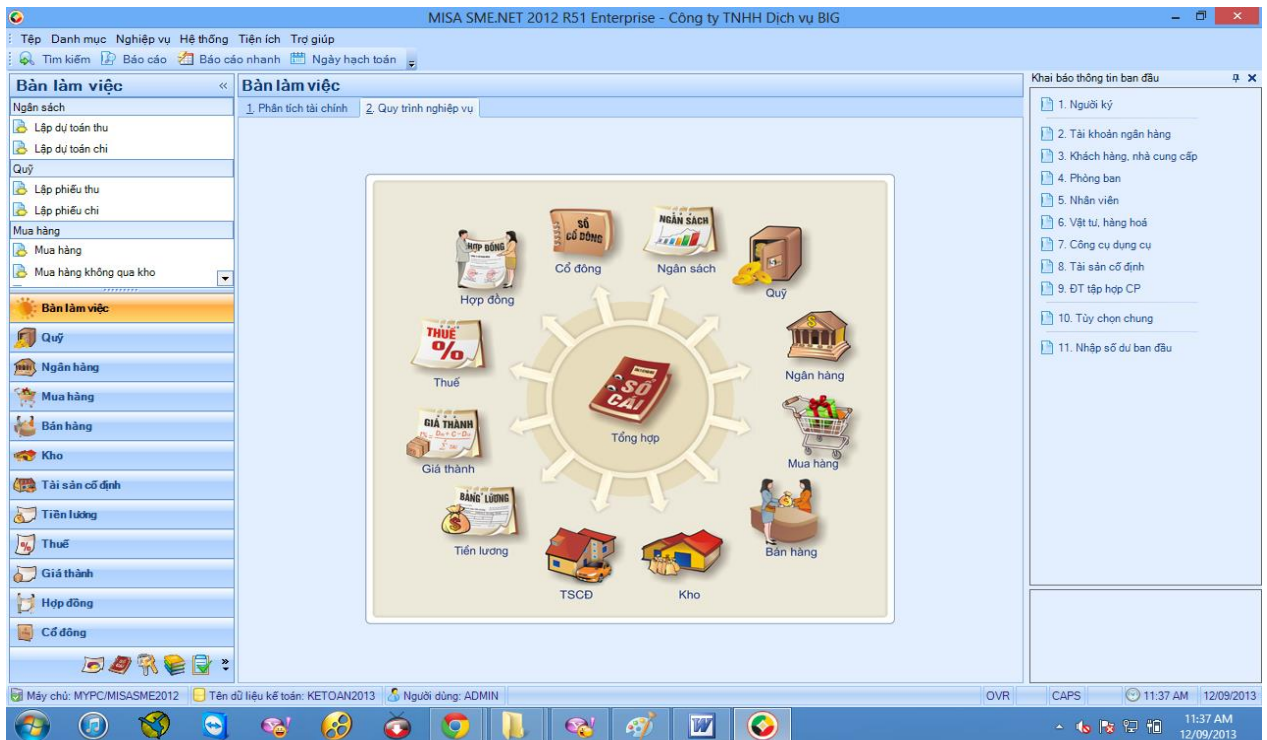
Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Fast, Smart. Công ty cũng có thể đặt hàng với các công ty cung cấp phần mềm để họ viết phần mềm kế toán theo yêu cầu của công ty. Dưới đây là một số phần mềm công ty có thể tham khảo:

\* **Phần mềm kế toán Fast Accounting:** <http://www.fast.com.vn>



Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 13.000 khách hàng. Fast Accounting với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất. Phần mềm này được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.

\*Phần mềm kế toán MISA : <http://www.misa.com.vn/>



MISA SME.NET 2017 là phần mềm luôn được cải tiến cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2017 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

### **Kiến nghị 2: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán**

Việc công ty không mở sổ chi tiết bán hàng và giá vốn nên không xác định được lãi gộp đối với từng loại hình kinh doanh dịch vụ làm cho khó khăn trong công tác điều hành, quản lý kinh doanh. Bên cạnh đó, công ty cũng không mở sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố chi phí nên gây khó khăn cho công tác quản trị chi phí.

Để phục vụ cho công tác hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng, giá vốn cho từng hoạt động kinh



doanh dịch vụ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của từng dịch vụ giúp cho các nhà quản trị thấy được tình hình kinh doanh của từng dịch vụ. Từ đó sẽ giúp các nhà quản lý doanh nghiệp quyết định xem nên mở rộng kinh doanh hoạt động nào, thu hẹp hay ngừng kinh doanh hoạt động nào.

**Biểu 3.1 :** Mẫu sổ chi tiết bán hàng.

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Mẫu số S17-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm( hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):...

Năm:...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211, 5212, 5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Số phát sinh						
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

*Người ghi sổ*  
(Ký, họ tên)

*Kế toán trưởng*  
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...  
*Giám đốc*  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.2:** Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

**Đơn vị :** CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

**Địa chỉ :** Số 11 Đà Nẵng –Ngô Quyền - Hải Phòng

**Mẫu số S18-DN**

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Tên sản phẩm, dịch vụ: Dịch vụ vận tải

Năm 2017

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản..				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						Nhiên liệu	Nhân công	Khấu hao	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			.....						
			Cộng số phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK...						
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

Để việc theo dõi và quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp được thực hiện tốt thì kế toán công ty nên mở chi tiết tài khoản 642 nhằm theo dõi chi phí phát sinh theo yếu tố và ứng với mỗi yếu tố chi phí là tài khoản được mở chi tiết tương ứng:

- ✓ **Tài khoản 642** có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2 như:
  - TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý(lương và các khoản trích theo lương)
  - TK 6423: Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng
  - TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
  - TK 6426: Chi phí dự phòng
  - TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước...)
  - TK 6428 : Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, công tác phí...)

Qua việc mở chi tiết các tài khoản chi phí trên, sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ kế toán. Từ đó, giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời để giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Bên cạnh việc theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố để phục vụ cho công tác quản trị chi phí, thì doanh nghiệp cũng có thể phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả cho từng mặt hàng, dịch vụ. Điều này sẽ giúp cho doanh nghiệp đưa ra các quyết định chuẩn xác hơn.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{QLDN cho} \\ \text{từng hoạt} \\ \text{động} \end{array} = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ của từng hoạt động}}{\text{Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ}} \times \text{Tổng chi phí QLDN}$$

**Biểu số 3.3:** Sổ chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Đơn vị :** CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

**Địa chỉ :** Số 11 Đà Nẵng –Ngô Quyền - Hải Phòng

**Mẫu số S18-DN**

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2017

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản..					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						6421	6422	6423	6424	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			.....							
			Cộng số phát sinh trong kỳ							
			Ghi Có TK...							
			Số dư cuối kỳ							

Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**KẾT LUẬN**

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2017).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

Vì thời gian thực tập, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô chỉ bảo, tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo **ThS. Nguyễn Đức Kiên** để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

*Sinh viên*

*Nguyễn Ngọc Dương*

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.
5. Thông tư 200/2014/QĐ (2014), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
6. Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới (2017) *Sổ sách kế toán Công ty*.
7. Các tài liệu khác trên mạng internet.